



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính:

Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ,  
Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (84-024) 3248 4820  
Fax: (84-024) 3248 4821  
Website: <http://www.tvs.vn>

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Tầng 9, 63 Võ Văn Tần, Phường 6  
Quận 3, TPHCM  
Điện thoại: (84-028) 6299 2099  
Fax: (84-028) 6299 2088  
Email: [info@tvs.vn](mailto:info@tvs.vn)



<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
<b>LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY</b>	
Chặng đường phát triển	4
Các chỉ số tài chính nổi bật 2015 -2019	7
Ngành nghề kinh doanh	9
Định hướng phát triển	14
<b>TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2019</b>	
Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	16
Tình hình tài chính	19
Quản trị rủi ro	21
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	23
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty	25
Báo cáo Ban kiểm soát	27
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	
Sơ đồ cơ cấu tổ chức	32
Hội đồng Quản trị	36
Ban Kiểm soát	37
Ban Tổng Giám Đốc	38
<b>THÔNG TIN CỔ ĐÔNG</b>	
Cơ cấu cổ đông	40
Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Báo cáo tài chính	43
Thuyết minh Báo cáo tài chính	

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

### **PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

- Chặng đường phát triển
- Các chỉ số tài chính nổi bật
- Ngành nghề kinh doanh
- Định hướng phát triển

## CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2006	2007	2010	2012
<b>TVS chính thức được thành lập</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/12/2006</li> <li>- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD của UBCK ngày 25/12/2006</li> <li>- Trụ sở: Hà Nội</li> <li>- Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng</li> </ul>	<b>Tăng vốn lên 430 tỷ đồng và mở thêm chi nhánh</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 86 tỷ đồng theo Giấy phép số 67/UBCK-CP ngày 24/8/2007 điều chỉnh GP 36 ;</li> <li>- Tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng theo Giấy phép số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 5/12/2007 điều chỉnh GP 36 ;</li> <li>- Quyết định 505/QĐ-UBCK của UBCK ngày 7/9/2007 chấp thuận thành lập chi nhánh TPHCM;</li> </ul>	<b>Nhận tài trợ từ IFC</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháng 8/2010, TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được tài trợ từ IFC, thành viên của Ngân hàng Thế giới (World Bank).</li> </ul>	<b>Chuyển trụ sở</b> <p>Quyết định số 115/GPĐC-UBCK ngày 03/12/2012 v/v điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động – thay đổi địa chỉ trụ sở đến Tòa nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.</p>





	2015	2016	2017	2018
<b>Niêm yết trên Hose, tăng vốn và mua Công ty Quản lý Quỹ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày 15/01/2015, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TVS) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM;</li> <li>Tháng 5/2015, Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) ra đời sau khi TVS mua thành công 99,2% cổ phần Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc;</li> <li>Tăng vốn điều lệ lên 476.438.880.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 27/8/2015.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ;</li> <li>Tăng vốn điều lệ lên 520.005.060.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK của UBCK ngày 05/09/2016;</li> <li>Tăng vốn điều lệ lên 534.295.060.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC của UBCK ngày 12/12/2016.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng vốn và huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2</li> <li>Tăng vốn điều lệ lên 578.710.410.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC của UBCK ngày 29/08/2017 TVAM tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2- “TVGF2” với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tăng vốn</li> <li>Tăng vốn điều lệ lên 630.023.750.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 67/GPĐC của UBCK ngày 29/08/2018</li> </ul>

**Năm 2019:**

- Tăng vốn điều lệ lên 784.247.000.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC của UBCK ngày 19/07/2019 từ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng
- Tăng vốn điều lệ lên 801.247.000.000 đồng Giấy phép điều chỉnh số 57/GPĐC của UBCK ngày 27/09/2019 do phát hành ESOP

**THÔNG TIN LIÊN LẠC****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT**

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 9, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM  
Email: info@tvs.vn, congbothongtin@tvs.vn  
Website: http://www.tvs.vn  
Điện thoại: (84-024) 32484820  
Fax: (84-024) 32484821

**THÔNG TIN NIÊM YẾT**

Mã cổ phiếu: **TVS**  
Địa điểm: Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh  
Ngày niêm yết: 15/01/2015  
Vốn điều lệ: 801.247.000 đồng (tại ngày 31/12/2019)  
Mệnh giá: 10.000 đồng  
Số lượng cổ phiếu niêm yết: 80.124.700  
Số lượng cổ phiếu lưu hành: 90.124.700

**CÔNG TY KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIET NAM**

Địa chỉ: Tầng 28, Toà nhà Tài Chính Bitexco  
Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM  
Website: http://www.ey.com.vn  
Điện thoại: (84-028) 38245252  
Fax: (84-028) 38245250

## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

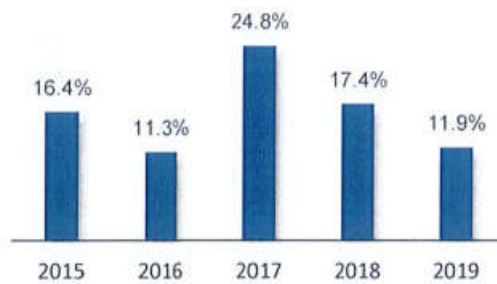
TVS	2015	2016	2017	2018	2019
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (triệu đồng)</b>					
<b>Doanh thu hoạt động</b>	<b>206,774</b>	<b>167,511</b>	<b>413,585</b>	<b>486,058</b>	<b>425,508</b>
01. Doanh thu tư vấn	69,681	18,608	1,715	52,256	29,444
02. Doanh thu tự doanh	78,424	87,680	301,718	269,010	226,770
03. Doanh thu môi giới	58,201	22,895	24,921	43,143	33,045
04. Quản lý quỹ		3,840	14,827	5,356	3,474
05. Hoạt động khác	467	34,488	70,405	116,293	132,775
Chi phí hoạt động	77,781	60,263	140,486	208,322	172,927
Doanh thu hoạt động tài chính	3,135	3,840	1,170	1,594	1,353
Chi phí hoạt động tài chính	4,451	18,789	45,369	78,333	95,148
Chi phí quản lý	18,438	21,620	25,408	24,180	21,783
Kết quả hoạt động	109,239	70,678	203,493	176,817	137,004
Thu nhập khác và chi phí khác	3,777	11,060	4,955	(0)	(4)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	113,016	81,738	208,448	176,817	137,000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	89,203	66,833	168,018	140,600	110,235
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (triệu đồng)</b>					
Tài sản ngắn hạn	626,371	1,336,340	1,591,656	2,666,742	2,971,798
Tài sản dài hạn	28,101	24,804	21,418	18,432	14,942
<b>Tổng tài sản</b>	<b>654,472</b>	<b>1,361,144</b>	<b>1,613,073</b>	<b>2,685,174</b>	<b>2,986,740</b>
Nợ phải trả	80,471	751,095	867,952	1,811,425	2,006,462
Vốn chủ sở hữu	574,001	610,049	745,121	873,750	980,278
Vốn điều lệ	476,439	534,295	578,710	635,024	801,247
<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>					
Thu nhập trên VCSH (ROE)	0.16	0.11	0.25	0.17	0.12
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	0.13	0.07	0.11	0.07	0.04
Chỉ tiêu an toàn tài chính	453%	268%	300%	262%	273%
<b>CHỈ TIÊU CHO 1 ĐƠN VỊ CỔ PHIẾU</b>					
Số lượng cổ phiếu lưu hành	43,343,888	49,358,756	53,800,291	61,952,375	80,124,700
BQ giá quyền của số CP phổ thông để tính EPS				61,408,489	
Thu nhập trên 1 cổ phiếu	2,058	1,354	2,636	2,290	1,401
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu	13,243	12,359	13,850	14,104	12,234
Cổ tức và cổ phiếu thưởng	2,000	1,500	1,600	2,850	-
Giá cổ phiếu tại ngày giao dịch cuối năm	12,200	9,200	11,200	13,400	14,000
P/E	5.9x	6.8x	3.6x	5.9	10.0
P/B	0.9x	0.7x	0.8x	1.0	1.1



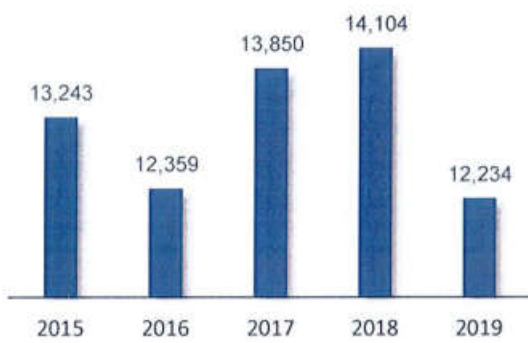
Doanh thu - Lợi nhuận (tỷ VND)



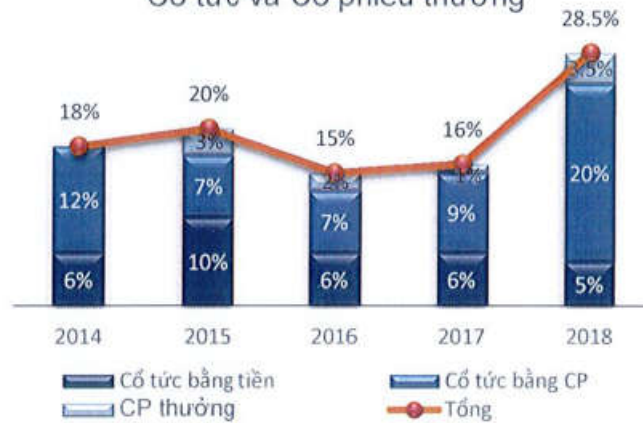
ROE



Giá trị sổ sách (VND)



Cổ tức và Cổ phiếu thưởng



Vốn chủ sở hữu (VND)



(Nguồn TVS)



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Chứng khoán Thiên Việt (TVS) là một ngân hàng đầu tư Việt Nam độc lập với đầy đủ các chức năng hoạt động theo luật định. Chúng tôi tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quốc tế và cam kết phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng. Các dịch vụ tài chính của TVS gồm có: Ngân hàng đầu tư (IB); Quản lý quỹ (TVAM); Hoạt động đầu tư; Dịch vụ chứng khoán; Nguồn vốn và kinh doanh tài chính; Phân tích. Ngoài Trụ sở Tầng Tòa nhà TĐL tại 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, TVS còn có Chi nhánh tại 63a Võ Văn Tần phường 6 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

### Hoạt động đầu tư:

Hội đồng đầu tư và đội ngũ đầu tư của TVS đều có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư. Những nhân sự này đã xây dựng các Doanh nghiệp riêng thành công, cũng như đã từng trải qua những giai đoạn khó khăn của nền kinh tế và biến động khó lường của TTCK. Ông Nguyễn Trung Hà là thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT, Ngân hàng ACB và có nhiều kinh nghiệm đầu tư vào hơn 30 công ty trong nước khác. Bà Đinh Thị Hoa là thành viên sáng lập, Chủ tịch tập đoàn Galaxy, cũng là thành viên HĐQT của REE, ACB. Bà Bùi Thị Kim Oanh có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành quản lý quỹ... Bà Nguyễn Thanh Thảo có kinh nghiệm làm việc trực tiếp tại các thị trường lớn như Mỹ và Nga. Đội ngũ đầu tư trực tiếp có gần 10 năm kinh nghiệm đầu tư ở thị trường chứng khoán Việt Nam và làm việc cho các định chế tài chính lớn. Đầu tư ở mỗi thời kỳ mỗi khác, có những lúc kiếm tiền rất dễ và mất đi cũng rất dễ nhưng những người đã có nhiều kinh nghiệm trên thị trường, trải qua nhiều thăng trầm, sẽ hình thành được nguyên tắc đầu tư để bảo vệ tiền của NĐT và tăng trưởng trong dài hạn. Tham gia thị trường từ những ngày sơ khai, trải qua nhiều sóng gió, nên chúng tôi đã thiết lập các nguyên tắc đầu tư của riêng mình.

TVS đang đầu tư vào ba loại tài sản khác nhau bao gồm đầu tư vốn cổ phần công ty niêm yết, vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân và tài sản nợ. Trong 7 năm gần đây, danh mục đầu tư gần 1200 tỉ đồng do TVS quản lý đã đạt "tăng trưởng kép", với mức tăng trung bình hàng năm đạt 23%, gấp 1,8 lần lần so với VN-Index. TVS kiên định với chiến lược đầu tư giá trị, đầu tư vào các doanh nghiệp đầu ngành, các công ty mà TVS hiểu rõ và có kết quả kinh doanh khả quan. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. TVS tin tưởng đầu tư giá trị tiếp tục là chiến lược mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện tại. Điều quan trọng với TVS không chỉ ở lợi nhuận mỗi năm kiếm được bao nhiêu, mà còn là lợi nhuận được duy trì được trong bao lâu nhằm đảm bảo mức cổ tức cao và ổn định cho các cổ đông.

### Ngân hàng đầu tư (IB)

Là bộ phận cốt lõi của TVS, chúng tôi cung cấp đa dạng các loại hình dịch vụ ngân hàng đầu tư:

- Tư vấn huy động vốn cổ phần, vốn nợ;
- Mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cho các khách hàng trong nước, tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các khách hàng nước ngoài (M&A)
- Tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp
- IPO ở thị trường trong và ngoài nước;
- Bảo lãnh phát hành

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS được cung cấp riêng biệt cho từng thương vụ cụ thể, cân nhắc đến chiến lược đặc thù của khách hàng và thông thường được bắt đầu bằng việc khảo sát cẩn trọng mô hình kinh doanh, qui mô hoạt động, cơ cấu vốn, nhu cầu phát triển và tình hình tài chính tổng thể



của mỗi khách hàng. Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khách hàng, TVS sẽ điều chỉnh và đưa ra dịch vụ Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính phù hợp.

**TVS đã thực hiện thành công 36 thương vụ với tổng giá trị khoảng 955 triệu USD tại Việt Nam.**

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2019	17 triệu USD			M&A ngành tự động hóa điện
2019	18 triệu USD			Huy động vốn ngành Bất Động Sản
2019	20 triệu USD			Huy động vốn
2018	50 triệu USD			Huy động vốn
2018	38 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2018	10 Triệu USD			Huy động vốn truyền thông và giải trí
2017	50 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành nông nghiệp
2017	12 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng
2016	5 triệu USD			Huy động vốn ngành giáo dục
2016	28 triệu USD	 Standard Chartered		Huy động vốn ngành công nghệ
2016	20 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành truyền thông và giải trí
2015	13 triệu USD			M&A ngành dược phẩm
2015	91 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2015	30 triệu USD			Thoái vốn đầu tư ngành hạ tầng

Năm	Giá trị	Khách hàng	Nhà đầu tư	Mô tả thương vụ
2014	15 triệu USD			M&A ngành nuôi trồng thủy sản
2014	13 triệu USD			M&A ngành vận tải
2014	22 triệu USD	 HAM LONG	 & others	Huy động vốn ngành bất động sản
2013	15 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng
2013	20 triệu USD			M&A ngành truyền thông và giải trí
2013	40 triệu USD			M&A ngành bất động sản
2013	5.75 triệu USD			Huy động vốn ngành công nghệ
2012	30 triệu USD			M&A ngành ngân hàng
2012	42 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2012	16 triệu USD	BTRC		M&A ngành hạ tầng
2011	41 triệu USD			M&A ngành hạ tầng
2011	184 triệu USD (theo công bố)			M&A ngành hàng tiêu dùng; giải thưởng "Thương vụ tốt nhất năm" từ tạp chí The Asset
2010	40 triệu USD			Huy động vốn ngành hạ tầng
2008	15 triệu USD			M&A ngành vật liệu xây dựng
2007	11 triệu USD			Huy động vốn ngành hàng tiêu dùng; Đầu tư đầu tiên của Goldman Sachs tại VN



Một số thương vụ nổi bật TVS đã thực hiện:

- Tư vấn cho Công ty Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) huy động 40 triệu USD trái phiếu chuyển đổi từ Goldman Sachs Investment Partners, quỹ đầu tư được quản lý bởi Goldman Sachs;
- Tư vấn cho cổ đông Công ty Diana bán 95% cổ phần cho Tập đoàn Unicharm - Nhật Bản (thương vụ Diana - Unicharm với giá trị chuyển nhượng được công bố 184 triệu USD giành giải thưởng của The Asset Triple A Awards là "Thương Vụ Tốt Nhất Năm 2011 tại Việt Nam");
- Tư vấn cho cổ đông trong nước chuyển nhượng 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức cho Công ty Manila Water Inc. - Philippines với tổng giá trị chuyển nhượng trên 40 triệu USD.
- Tư vấn cho Công ty CP dịch vụ trực tuyến (MoMo) nhận đầu tư 28 triệu USD từ Standard Chartered Private Equity (SCPE) và Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu Goldman Sachs

### Dịch vụ chứng khoán:

TVS cung cấp dịch vụ chứng khoán gồm môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ cho khách hàng cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Ngay từ khi thành lập vào cuối năm 2016, TVS được định hướng chiến lược tập trung 80% nguồn lực để phát triển 2 lĩnh vực cốt lõi là hoạt động chính tư vấn (IB) và hoạt động tự doanh (PI). Chúng tôi đã luôn kiên trì với mục tiêu này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Do vậy, mảng dịch vụ chứng khoán nghiêng về hỗ trợ cho hoạt động khác của TVS nên tỷ trọng đóng góp lợi nhuận trong tổng lợi nhuận của TVS chưa đáng kể. Đại hội cổ đông năm 2019 đã phê duyệt TVS tham gia hoạt động giao dịch phái sinh. TVS đang triển khai phần mềm và làm thủ tục cấp phép cần thiết để triển khai hoạt động giao dịch phái sinh trong năm 2020.

### Khối khách hàng tổ chức:

Trong 2 quý cuối năm 2019, TVS đã tái cơ cấu bộ phận khách hàng tổ chức nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán cho tổ chức trong và ngoài nước.

### Nguồn vốn và kinh doanh tài chính:

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, giao dịch hoán đổi lãi suất và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác; Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư.

### Khối phân tích:

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu, thu thập và xử lý các thông tin thị trường, đưa ra các báo cáo phân tích về thị trường, phân tích vĩ mô, phân tích theo ngành, phân tích chứng khoán và một số các phân tích đặc biệt khác phục vụ yêu cầu xây dựng chiến lược và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư cho các khách hàng cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Các sản phẩm của Phân tích bao gồm:

- Báo cáo chiến lược đầu tư
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối
- Báo cáo phân tích ngành, doanh nghiệp
- Bản tin thị trường định kỳ hàng ngày, tuần, tháng



### Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)

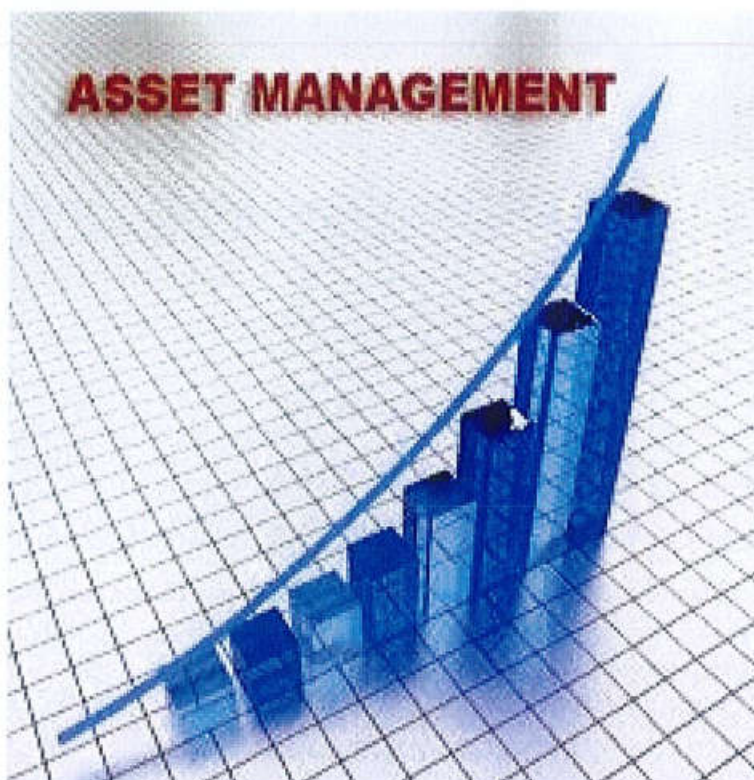
TVS hiện đang nắm giữ 2.480.000 cổ phần tương đương 99,2% vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM). TVAM cung cấp dịch vụ:

- Quản lý các quỹ huy động trong và ngoài nước
- Quản lý danh mục đầu tư
- Tư vấn đầu tư

Trong năm 2016, TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ đồng.

Trong Quý 4 năm 2017, TVAM đã tiến hành thủ tục huy động Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 – “TVGF2” với tổng giá trị 170 tỷ đồng và được cấp phép thành lập quỹ vào ngày 02/01/2018. TVAM đang quản lý và tư vấn đầu tư hơn 1.200 tỷ đồng cho TVS và

khách hàng tổ chức và cá nhân khác. Nhu cầu dịch vụ quản lý đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ngày càng cấp thiết khi thị trường chứng khoán ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn độ phức tạp. TVS đã thử nghiệm thành công dịch vụ tư vấn đầu tư cho khách hàng VIP từ năm 2011 và đạt được những kết quả rất khả quan. Với đội ngũ và kinh nghiệm, TVS tin tưởng có thể mang lại lợi ích cho nhiều NĐT khác bằng cách nhân rộng mô hình này cho khách hàng thông qua TVAM.



19/11/2019



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Vững vàng kiềng 3 chân: Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ

Ngay từ khi thành lập, TVS đã tập trung chủ yếu nguồn lực cho hai mảng kinh doanh trụ cột là ngân hàng đầu tư và hoạt động đầu tư nhằm duy trì lợi nhuận bền vững cho cổ đông.

Đến nay, TVS đã tư vấn thành công 36 thương vụ huy động vốn và mua bán sáp nhập với tổng giá trị trên 955 triệu USD. Đội ngũ chuyên gia tư vấn của TVS có đủ năng lực để trình bày về Doanh nghiệp theo "ngôn ngữ" của nhà đầu tư, sao cho họ hiểu được toàn cảnh môi trường cạnh tranh trong ngành mà Doanh nghiệp đang hoạt động, chiến lược của Doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh đó, cũng như cách tổ chức hoạt động để Doanh nghiệp có thể thành công trong chiến lược cạnh tranh mà mình đặt ra. Ngoài ra, mạng lưới Nhà đầu tư danh tiếng, có tiềm lực tài chính mạnh rộng khắp mà TVS xây dựng được trong nhiều năm qua nhờ vào uy tín của mình, vốn am hiểu các tập quán đầu tư quốc tế, cũng như khả năng tìm ra giải pháp hài hòa cho cả Doanh nghiệp lẫn Nhà đầu tư. Thành quả lớn nhất mà TVS đạt được chính là sự hài lòng, tin tưởng mà khách hàng dành cho Công ty thể hiện qua việc hầu như tất cả khách hàng của TVS hiện nay đã sử dụng dịch vụ IB của TVS cho ít nhất 2 thương vụ huy động vốn, M&A liên tiếp của họ.

Đối với hoạt động đầu tư, TVS thông qua TVAM đang quản lý hơn 1.200 tỷ vốn đầu tư bao gồm vốn đầu tư của TVS, quỹ TVGF và quản lý danh mục cho khách hàng. Mô hình CTCK + Công ty Quản lý Quỹ là một trong những mô hình hiệu quả và khá phổ biến trên thị trường tài chính hiện nay. Mô hình này giúp đa dạng hóa các loại hình dịch vụ của TVS nhằm tạo sự khác biệt với các công ty chứng khoán khác. Chúng tôi luôn theo đuổi phương châm: "Tìm kiếm lợi nhuận thay vì phòng tránh thua lỗ", tất nhiên rủi ro sẽ cao hơn. Tuy nhiên, chúng tôi đã cân bằng bởi chiến lược tập trung đầu tư dựa trên các giá trị nền tảng có thể định lượng được của các DN hoạt động hiệu quả, thay vì đầu tư theo thị trường. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có cơ bản tốt, định giá thấp và sẽ giải ngân ở mức giá hợp lý. Ngoài ra, TVAM cố gắng duy trì thành tích để Quỹ luôn nằm trong top 5 quỹ có hiệu quả đầu tư tốt nhất thị trường cũng như cân nhắc phát triển đa dạng các sản phẩm như quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản, quỹ trái phiếu...

Đối với hoạt động đầu tư vốn, từ 2016 đến nay TVS đã và đang đẩy mạnh hoạt động này nhằm tận dụng tối đa diễn biến lãi suất trên thị trường. TVS sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các hợp đồng tiền gửi, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, giao dịch hoán đổi lãi suất và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác; dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư.

25/12/2020, đánh dấu chặng đường 13 năm thành lập và phát triển của TVS, 13 năm TVS đã luôn kiên trì với định hướng này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Kết quả hoạt động trong năm 5 gần đây rất tốt với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình đạt 16,4%/năm, duy trì cổ tức ổn định ở mức cao trung bình đạt 20% cho cổ đông. Trong tương lai, TVS vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng này với kiềng 3 chân ở 3 mảng Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ.

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

### PHẦN II: HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2019

- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc
- Tình hình tài chính
- Quản trị rủi ro
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động Công ty
- Báo cáo Ban kiểm soát



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2019 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH****Tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán:**

Kết thúc năm 2019 kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực với tăng trưởng GDP đạt 7.02%, thuộc nhóm cao nhất thế giới, mặc dù các rủi ro toàn cầu vẫn cao. Các ngành đóng góp chủ yếu cho tăng trưởng GDP sản xuất (+11.29% y/y), logistics (+9.12% y/y) và bán lẻ (+8.62% y/y). Mặc dù chịu tác động tiêu cực của dịch tả lợn Châu Phi (chỉ số giá thực phẩm tăng 5.08% y/y), lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 2019 tăng 2.79% so với năm 2018, thấp hơn so với mức Quốc hội đề ra 3.3 – 3.9%. Việt Nam tiếp tục là quốc gia được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do cũng như cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, Việt Nam đã có thặng dư thương mại kỷ lục gần 11 tỷ đôla trong đó các nhóm hàng xuất khẩu tăng mạnh gồm dệt may, giày dép, gỗ, đồ điện tử và điện thoại. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn tiếp tục tăng mạnh vào Việt Nam nhờ vào xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc; FDI giải ngân và đăng ký lần lượt đạt 20,4 tỷ đôla (+6,7% y/y) và 17,5 tỷ đôla (+23,5% y/y). Tăng trưởng tín dụng và cung tiền (M2) lần lượt đạt 13.5% và 12.1% với chất lượng tín dụng được cải thiện.

Mặc dù kinh tế vĩ mô tăng trưởng ổn định tuy nhiên thị trường chứng khoán vẫn chịu nhiều áp lực nên chỉ ghi nhận mức tăng khiêm tốn 7,7% để khép lại năm 2019 với VnIndex ở mốc 960,99 điểm. Các áp lực chủ yếu đến từ rủi ro tăng trưởng thương mại toàn cầu chậm lại do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, đường cong lãi suất "inverted" và các rủi ro địa chính trị khiến dòng vốn ngoại rút ra khỏi thị trường mới nổi. Giá trị giao dịch trung bình thông qua khớp lệnh ở 03 sàn đạt 3,427 tỷ đồng/ngày (giảm 34% y/y so với 2018). Tổng giá trị mua ròng của nước ngoài đạt 206 triệu đôla, thấp hơn rất nhiều so với mức 1,840 triệu đôla năm 2018. Nhóm cổ phiếu mua ròng nhiều nhất của nước ngoài gồm VIC, E1VFN30, PLX, VCB và MSN; nhóm cổ phiếu bán ròng nhiều nhất là VJC, VHM, VNM, HDB và DHG.

**Kết quả hoạt động kinh doanh của TVS trong năm 2019:**

Diễn biến thị trường chứng khoán không thuận lợi đã tác động đến hoạt động kinh doanh của TVS. Tuy nhiên xét hiệu quả sử dụng vốn (ROE), ROE TVS năm 2019 đạt 11,9%, cao hơn so với trung bình ngành 9,47% và nằm trong top 5 các Cty chứng khoán có ROE tốt nhất.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	2.986.739.785.037	2.685.174.150.228	+11,2%
Doanh thu thuần	425.508.005.883	486.058.294.450	-12,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	252.580.559.392	277.735.987.235	-9,1%
Lợi nhuận trước thuế	137.000.001.888	176.816.553.155	-22,5%
- LNTT đã thực hiện	121.736.612.043	229.891.827.326	-47,0%
- LNTT chưa thực hiện	15.263.389.845	-53.075.274.171	
Lợi nhuận sau thuế	110.235.132.302	140.625.621.657	-21,6%
- LNST đã thực hiện	98.023.308.434	184.440.677.212	-46,8%



**Hiệu quả hoạt động kinh doanh các công ty chứng khoán - 2019**

ST T	Tên	2019 ROE	2019 Vốn Hóa Thị Trường (tỷ VND)	Tài Sản (tỷ đồng)	Vốn Chủ Sở Hữu (tỷ đồng)	Vốn Điều Lệ (tỷ đồng)	Doanh Thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)
1	Chứng khoán Techcombank	38.0%	6,471	6,302	4,627	1,124	2,172	1,455
2	Chứng khoán Bản Việt	18.0%	4,496	7,243	4,052	1,644	1,541	693
3	Chứng khoán MB	14.7%	1,478	4,750	1,670	1,221	944	230
4	Chứng khoán VNDIRECT	12.3%	3,152	11,577	3,248	2,204	1,544	382
<b>5</b>	<b>Chứng khoán Thiên Việt</b>	<b>11.9%</b>	<b>1,014</b>	<b>2,987</b>	<b>980</b>	<b>801</b>	<b>421</b>	<b>110</b>
6	Chứng khoán TP.HCM	11.8%	5,796	7,489	4,304	3,059	1,560	433
7	Chứng khoán Tân Việt	11.5%	803	2,217	1,331	1,080	716	145
8	Chứng khoán SG - HN	11.0%	1,513	6,073	2,692	2,073	1,067	255
9	Chứng khoán FPT	10.5%	1,551	2,524	2,111	1,202	387	214
10	Chứng khoán Vietcombank	10.3%	815	3,553	1,547	1,000	536	152

Nguồn: Stox Plus

Hoạt động kinh doanh của TVS tập trung 3 mảng cốt lõi Ngân hàng đầu tư (IB), đầu tư vốn và dịch vụ quản lý quỹ bên cạnh hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn vốn. Tất cả các mảng đều đóng góp lợi nhuận trong năm 2019, đặc biệt bộ phận tự doanh và kinh doanh nguồn vốn đóng góp tổng cộng 82% lợi nhuận trước phân bổ chi phí chung. Trong năm bộ phận Tự doanh và Quản lý Quỹ tiếp tục theo đuổi chiến lược đầu tư thận trọng vào các doanh nghiệp được quản lý tốt và định giá rẻ. Bộ phận kinh doanh nguồn tiếp tục tận dụng biến động lãi suất trên thị trường tiền tệ và gia tăng hoạt động kinh doanh nguồn để tối đa hóa lợi nhuận cho TVS

**Kết quả kinh doanh bộ phận**

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tự vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	33.045.389.926	197.458.367.241	29.444.037.909	158.320.307.633	8.593.316.662	426.861.419.371
2. Các chi phí trực tiếp	(30.276.031.602)	(129.903.204.642)	(5.972.495.868)	(95.147.660.963)	(4.572.402.553)	(265.871.795.628)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(974.968.985)	(857.898.838)	(370.444.003)	(520.593.484)	-	(2.723.905.310)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>1.794.389.339</b>	<b>66.697.263.761</b>	<b>23.101.098.038</b>	<b>62.652.053.186</b>	<b>4.020.914.109</b>	<b>158.265.718.433</b>
4. Chi phí không phân bổ						(21.265.716.545)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>						<b>137.000.001.888</b>



### **Hoạt động đầu tư & Quản lý Quỹ**

Năm 2019 là năm đầy thách thức cho hoạt động đầu tư cổ phiếu khi thị trường chứng khoán trải qua các đợt biến động lớn. VNindex đã tăng trưởng 10% trong Q1/2019 sau đó dao động đi ngang trong khoảng 950 – 1.030 điểm; và kết thúc năm 2019 tăng 7,7%; chủ yếu nhờ vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, cụ thể như VCB, VIC, và BID lần lượt đóng góp 6,9%, 2,4% và 1,9% cho VNindex. Kiên định với chiến lược đầu tư vào các công ty đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn và chi trả lãi cổ tức cao, TVS đã giữ cho danh mục đầu tư hiệu quả và ổn định hơn so với thị trường chung. Cụ thể trong năm qua, mảng kinh doanh tài sản tài chính FVTPL mang đến lợi nhuận trước chi phí phân bổ chung khoảng 66,5 tỷ và khoảng 13,1 tỷ tiền cổ tức, trong đó một phần lớn nhờ vào mảng kinh doanh trái phiếu BIDV và các cổ phiếu MWG, PNJ, FPT, TPB, TCM và KBC.

TVAM hiện đang quản lý hai quỹ đại chúng là quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM (TVGF) và quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2). Trong năm 2019, tăng trưởng của hai Quỹ chịu nhiều ảnh hưởng từ những biến động tiêu cực của thị trường chứng khoán Việt Nam và tình hình bất ổn của kinh tế chính trị thế giới. Tính đến hết năm, tổng giá trị tài sản của Quỹ TVGF đạt mức 161.4 tỷ và Quỹ TVGF2 đạt 150.7 tỷ, tương ứng mức giảm 1.7% và 3.2% (chưa trừ phí quản lý) so với mức tăng 7.7% của VNIndex và mức giảm 1.6% của HNXindex. Trong tháng 5/2019, Quỹ TVGF đã tiến hành chia cổ tức cho nhà đầu tư với tỷ lệ là 20%, tương ứng với tổng số tiền là 30 tỷ.

### **Hoạt động ngân hàng đầu tư (IB)**

Trong năm 2019, bộ phận tư vấn tài chính của TVS đã thực hiện thành công 3 thương vụ ghi nhận 29,4 tỷ doanh thu và 23,1 tỷ lợi nhuận trước chi phí phân bổ.

### **Hoạt động kinh doanh nguồn vốn**

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của TVS đạt kết quả tốt trong năm 2019 với doanh thu đạt 158,3 tỷ và lợi nhuận trước phân bổ chi phí chung đạt 66,2 tỷ lần lượt tăng 34,6% và 70,3% so với năm 2018. Nhờ đánh giá đúng và kịp thời xu hướng vận động của lãi suất, TVS đã gia tăng vay nợ ngắn hạn và duy trì tỷ trọng cao ở các hoạt động kinh doanh nguồn vốn kỳ hạn dài nhằm đạt tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, TVS từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp từ các định chế tài chính khác.

### **Môi giới và dịch vụ chứng khoán**

Doanh thu của Khối Môi giới năm 2019 đạt 33 tỷ đồng giảm 23% so với năm 2018 và lợi nhuận trước chi phí phân bổ đạt 1.8 tỷ, do các tác động sau : (i) giá trị giao dịch trung bình ngày giảm 34%; (ii) cạnh tranh phí giữa các công ty chứng khoán khi bỏ quy định mức giá sàn; và (iii) TVS vẫn duy trì mức phí cạnh tranh cho khách hàng thân thiết.

Dư nợ cho vay ký quỹ trong năm 2019 được TVS điều chỉnh theo thanh khoản thị trường chứng khoán, dao động ở mức 175-200 tỷ đồng. Hoạt động cho vay ký quỹ không phát sinh nợ xấu vì TVS thận trọng trong việc thẩm định danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ với tỷ lệ vay và hạn mức vay đáp ứng quy định của Ủy ban chứng khoán cũng như quy định nội bộ TVS. Danh mục chứng khoán cho vay được xây dựng trên nền tảng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tính thanh khoản cổ phiếu trên thị trường nhằm đảm bảo TVS có thể thu hồi khoản vay. Bên cạnh đó, chính sách lãi suất linh hoạt cho các nhóm khách hàng cũng như việc quản trị rủi ro tốt đã giúp TVS không phát sinh tổn thất nào trong 5 năm qua từ hoạt động này. Kết thúc năm 2019, lãi từ các khoản cho vay đạt 24,1 tỷ tăng 14% so với năm 2018.



## Hoạt động các bộ phận hỗ trợ khác

### Công nghệ

Hệ thống CNTT tiên tiến, hiệu quả và có tính bảo mật cao là yếu tố quan trọng đối với các Công ty Chứng khoán. TVS luôn chủ động điều chỉnh bổ sung và tự nâng cấp các hệ thống liên quan đến bảo mật và an ninh thông tin trên cả hệ thống phần cứng và phần mềm ứng dụng bảo mật.

Trong năm 2019, việc vận hành ổn định hệ thống CNTT đã góp phần hỗ trợ việc chuẩn hóa trong quản lý hoạt động dịch vụ chứng khoán, đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn. Hạ tầng phần cứng, phần mềm hỗ trợ hoạt động cũng luôn được theo dõi, kiểm tra và nâng cấp định kỳ nhằm mục đích đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu phát sinh từ các cơ quan quản lý và từ nhu cầu thị trường, đảm bảo cung cấp dịch vụ CNTT luôn thông suốt và hiệu quả.

Bắt đầu từ tháng 10 năm 2019 và tiếp nối 2020, bộ phận CNTT đã và đang tiếp tục phối hợp cùng các bộ phận nghiệp vụ trong dự án triển khai hệ thống core đáp ứng hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh và nâng cấp hạ tầng giao dịch trực tuyến hợp nhất dành cho khách hàng tại TVS.s

### Bộ phận nghiên cứu và tư vấn đầu tư

Trong năm 2019, bộ phận đã phát hành hằng tuần báo cáo thị trường và hằng quý báo cáo cổ phiếu nhằm cung cấp các thông tin đầu tư / tư vấn đầu tư cho khách hàng. Hiện tại các báo cáo của TVS đang được phân phối qua 02 kênh:

- Kênh khách hàng định chế: cổng Bloomberg, Thomson Reuters, FactSet, Capital IQ và CFA ARX.
- Kênh khách hàng cá nhân: qua email, trao đổi giữa chuyên viên và khách hàng/môi giới, trang web TVS và báo điện tử.

Bộ phận nghiên cứu và tư vấn đầu tư cũng tổ chức họp 02 lần / tuần với bộ phận Môi giới để điểm các tin kinh tế / sự kiện đặc biệt và các nhóm cổ phiếu.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2019 đạt 2.986 tỷ đồng tăng 11,2% so với năm 2018 chủ yếu do TVS tiếp tục gia tăng nợ vay (chủ yếu) ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn. Đến 31/12/2019, TVS đang vay nợ ngắn hạn 1.956 tỷ đồng, tăng 25,6% so với năm 2018, để tài trợ cho việc kinh doanh nguồn vốn như hoạt động tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu. Nợ vay được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi. TVS tăng vay nợ nhưng vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới những giới hạn quy định an toàn cho ngành chứng khoán: tỷ lệ an toàn tài chính đạt 273% cao hơn 3,4 lần mức quy định pháp luật, nợ vay ngắn hạn chiếm 0.66 lần tài sản ngắn hạn (thấp hơn giới hạn nợ ngắn hạn Công ty chứng khoán không vượt quá 1 lần tài sản ngắn hạn).

### Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2019, vốn chủ sở hữu đạt 980 tỷ đồng tăng 12,3% so với năm 2018 và chiếm 33% tổng nguồn vốn. Vốn chủ sở hữu gia tăng đều đặn qua các năm chủ yếu do TVS bổ sung từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tích lũy qua các năm và dùng phần lớn để phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Hoạt động đầu tư của TVS chủ yếu được tài trợ bởi vốn tự có. Năm 2016 đến năm 2019 TVS đã gia tăng vay nợ ngắn hạn nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Tại thời điểm 31/12/2019, nợ phải trả là 2.006 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2018, và chiếm 66% tổng nguồn vốn. Nợ vay ngắn hạn 1.956 tỷ đồng, tăng 25,6% so với 2018, nhưng vẫn không ảnh



hường đến chất lượng tài sản của TVS do tất cả khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi với tổng trị giá 1.946 tỷ đồng trong số 2.070 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng. TVS sử dụng đòn cân nợ để gia tăng lợi nhuận cho TVS thông qua hoạt động kinh doanh nguồn vốn nhưng vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới ngưỡng quy định an toàn cho ngành chứng khoán với: (1) Tổng nợ TVS gấp khoảng 2 lần vốn chủ sở hữu dưới qui định an toàn không quá 3 lần vốn chủ sở hữu; (2) Nợ vay ngắn hạn chiếm 0.66 lần tài sản ngắn hạn dưới qui định an toàn không quá 1 lần tài sản ngắn hạn, (3) hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.5 lần, (4) Tỷ lệ an toàn tài chính đạt 273% cao hơn mức quy định an toàn là 180% .

#### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
<b>1. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1.49x	1.62x	1.86x
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1.49x	1.62x	1.86x
<b>2.Cơ cấu vốn</b>			
Vay nợ ngắn hạn / Tổng tài sản	0.66x	0.58x	0.50x
Nợ phải trả / Tổng Tài sản	0.67x	0.67x	0.54x
Vay nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	2.00x	2.78x	1.08x
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	2.05x	2.07x	1.16x
<b>3.Năng lực hoạt động</b>			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0.14x	0.18x	0.26x
<b>4.Khả năng sinh lời</b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25.9%	28.9%	40.6%
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh (EBIT)/Doanh thu thuần	54.6%	52.5%	61.3%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11.9%	17.4%	24.8%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3.9%	6.5%	11.3%

#### Các công ty con, công ty liên kết

Công ty có 1 công ty con với các thông tin như sau:

- Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM)
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP.HCM
- Vốn điều lệ: 25 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 99,2%
- Lĩnh vực hoạt động chính: Quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư
- Doanh thu TVAM năm 2019 đạt 6,7 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế đạt 146 tỷ đồng, giảm 23% và 187% so với năm 2018. Lợi nhuận tăng chủ yếu do TVAM nhận cổ tức từ khoản đầu tư.
- Hiện TVAM đang quản lý 02 quỹ đóng niêm yết trên Hose bao gồm: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM ( FUCTVGF1) và Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2 ( FUCTVGF2).



## QUẢN TRỊ RỦI RO

Hội đồng quản trị TVS rất chú trọng công tác quản trị rủi ro và TVS đã xây dựng khung quản trị rủi ro cũng như ý thức quản trị rủi ro từ cấp cao nhất thuộc Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các phòng ban và đến từng nhân viên. TVS xây dựng một cấu trúc quản trị rủi ro 3 lớp phòng thủ:

- Lớp nghiệp vụ kinh doanh: Dựa trên hạn mức rủi ro mà HĐQT quyết định cho từng bộ phận kinh doanh cũng như các hạn mức phê duyệt, các trưởng bộ phận điều hành hoạt động hằng ngày theo hạn mức được cấp.
- Lớp Ban điều hành: Bộ phận QTRR sẽ quản lý các vấn đề về tuân thủ, kiểm soát nội bộ, pháp lý, các vấn đề trong kế toán, các sự cố lớn.
- Lớp HĐQT: Trưởng bộ phận Kiểm toán nội bộ sẽ đánh giá về quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán các quy trình bộ phận kinh doanh để đảm bảo quy trình chính tồn tại và hoạt động hiệu quả. Ngoài ra, kiểm toán độc lập cũng đánh giá quy trình có ảnh hưởng tài chính chủ yếu rủi ro tuân thủ.

TVS đã xây dựng và cập nhật danh mục rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu để xây dựng kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro. Các bộ phận kinh doanh phối hợp với bộ phận quản trị rủi ro nhận diện, đo lường và đánh giá rủi ro phát sinh tại bộ phận cũng như lên kế hoạch hành động để giảm thiểu rủi ro. Bộ phận QTRR giám sát số lần vượt hạn mức rủi ro cũng như rà soát đánh giá xem hiệu quả hoạt động hạn mức phê duyệt như thế nào, có ảnh hưởng đến hoạt động thông thường của phòng ban hay không và trong năm qua, Bộ phận QTRR nhận thấy TVS không có xảy ra tổn thất gây thiệt hại tài chính cũng như danh tiếng TVS.

### Danh mục rủi ro trọng yếu

#### Rủi ro thị trường

Đối với Công ty chứng khoán biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến hoạt động đầu tư. Gần 70% vốn chủ sở hữu của TVS phân bổ cho hoạt động đầu tư trong đó 2/3 nguồn vốn đầu tư vào cổ phiếu niêm yết. Do đó việc biến động giá cổ phiếu tác động rất lớn đến lợi nhuận của TVS. Rủi ro đầu tư được hạn chế qua việc TVS chỉ đầu tư vào các cổ phiếu có giá trị nền tảng tốt đang trong giai đoạn tăng trưởng nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định cho cổ đông TVS. Ngoài ra, TVS đã phân cấp quyền ra quyết định đầu tư theo nhiều cấp dựa trên hạn mức rủi ro được chấp nhận cho hoạt động đầu tư. Khối Quản lý Rủi ro giám sát các kiểm soát đối với việc phê duyệt đầu tư và quản lý vị thế cốt lõi thông qua chế độ báo cáo hàng ngày, tuần, tháng.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro Tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính do khách hàng hoặc đối tác không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đối với TVS. Đây là rủi ro trọng yếu phát sinh chủ yếu trong hoạt động Cho vay Ký quỹ và là kết quả từ việc thanh toán giao dịch thay mặt cho khách hàng. TVS phân cấp quyền ra quyết định dư nợ cho vay đối với cổ phiếu và khách hàng. Cho vay Ký quỹ chỉ được phép thực hiện với các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí mà Ban điều hành đã phê duyệt và có tính thanh khoản.

#### Rủi ro pháp luật

Hoạt động của công ty chứng khoán bị điều chỉnh trực tiếp bởi hệ thống các văn bản pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành và các cơ quan chức năng liên quan. Do chứng khoán là một lĩnh vực mới ở Việt Nam nên hệ thống luật còn đang được thay đổi, bổ sung và hoàn thiện, nên sẽ luôn có tiềm ẩn rủi ro liên quan đến sự thay đổi, điều chỉnh các văn bản luật về lĩnh vực chứng khoán, còn tồn tại những rủi ro khác liên quan đến việc thiếu tính đồng bộ và nhất quán giữa



Luật chứng khoán và các luật liên quan làm ảnh hưởng đến hoạt động của Cty. Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Rủi ro xảy ra nếu TVS không phát hiện và ngăn chặn những rủi ro pháp lý gây ra bởi công ty và các sản phẩm, dịch vụ được cung cấp bởi TVS, cũng như các nhà cung cấp, thông qua việc không tuân thủ văn bản hướng dẫn và các quy định. TVS hạn chế rủi ro này bằng cách tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý

### **Rủi ro hoạt động**

#### **• Rủi ro trong hoạt động dịch vụ môi giới khách hàng**

Rủi ro có thể xảy ra tại bất cứ khâu nào của các mảng hoạt động, như sai sót trong hoạt động môi giới khi thực hiện lệnh cho khách hàng; hay trong các giao dịch với các đối tác gây ra thiệt hại mà Công ty phải bồi thường, hoặc những gian lận của cán bộ nhân viên gây thiệt hại cho Công ty; rủi ro hạ tầng thông tin không ổn định.

Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS luôn tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và đồng thời công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nội bộ để nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên môi giới.

#### **• Rủi ro trong Hoạt động đầu tư vốn**

Đây là những rủi ro cá biệt liên quan đến danh mục đầu tư của Công ty sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong hoạt động tự doanh, nếu thận trọng quá, đôi khi mất cơ hội, ngược lại nếu không tìm hiểu, phân tích kỹ, có thể mắc sai lầm do đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, không có triển vọng, trong trường hợp này, Công ty có thể phải chịu rủi ro lớn, ảnh hưởng đến an toàn vốn. Để hạn chế và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động này, TVS đã đa dạng hóa danh mục đầu tư và có đội ngũ chuyên phân tích đánh giá cổ phiếu trước khi đầu tư.

#### **• Rủi ro nguồn nhân lực**

Trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, nhân tố con người có vai trò quyết định. Chứng khoán lại là một ngành kinh doanh mới nên nguồn nhân lực có năng lực và kinh nghiệm còn rất thiếu. Do đó, khi có biến động nhân sự cấp cao hoặc thực hiện các dự án kinh doanh mới, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhân sự đủ tài năng, kinh nghiệm và nhân cách để đảm đương vai trò tại Công ty. Để thu hút được người lao động và nhân tài trong ngành chứng khoán, TVS đã luôn duy trì chính sách trả lương và thưởng tương đối cao so với các công ty chứng khoán khác trong ngành và luôn tạo mọi điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên Công ty.

#### **• Rủi ro về khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và cập nhật nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các thay đổi từ các cơ quan quản lý**

Một yêu cầu thiết yếu để thực hiện được lệnh giao dịch chứng khoán cho khách hàng một cách tiện lợi, nhanh chóng và kịp thời là hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật phải luôn được duy trì kết nối với các SGDCK. Trường hợp kết nối này bị gián đoạn hoặc không thực hiện được kết nối với các SGDCK, giao dịch sẽ không thực hiện được có thể gây thiệt hại cho khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại này. Hơn nữa, trong trường hợp này Công ty sẽ bị mất uy tín với khách hàng và trên thị trường nên khách hàng hiện tại có thể rời bỏ công ty, cũng như việc thu hút khách hàng mới sẽ rất khó khăn. Việc bị ngắt quãng kết nối hoặc không kết nối được có thể do SGDCK và các cơ quan quản lý thay đổi, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hoặc SGDCK và cơ quan quản lý triển khai các sản phẩm, phần mềm mới mà hệ thống hạ tầng hiện tại của Công ty không hoặc chưa đáp ứng hoặc tương thích được ngay lập tức.



Để dự phòng và ứng phó với loại rủi ro này, TVS luôn chủ động theo dõi bám sát các thông tin liên quan đến những kế hoạch nâng cấp phát triển hệ thống từ các cơ quan quản lý nhà nước (UBCKNN, TTLK, các SGDC...) để xây dựng các kế hoạch sẵn sàng đáp ứng hệ thống. TVS luôn thực hiện các cập nhật hệ thống chính xác và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật cũng như quy trình tuân thủ của cơ quan quản lý nhà nước.

## **BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

Trong năm qua, Công ty tuân thủ và không bị xử phạt vi phạm pháp luật về môi trường. TVS rất chú trọng hoạt động hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng, TVS đã có các hoạt động như sau:

- Năm 2019, TVS HN chi tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học Điểm trường Pác Thìn thuộc trường tiểu học Lương Can, Xã Lương Can, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng: 20.000.000 đồng (kết hợp cùng đoàn từ thiện của tòa nhà TĐL)
- Năm 2019, TVS Chi nhánh HCM thăm và tặng quà trị giá 107.000.000 cho Người già neo đơn ở Chùa Quang Lâm Quận 8 TP.HCM, Trẻ Em cơ nhỡ, khuyết tật ở Mái Ấm Thiện Duyên, Củ Chi, Tp.HCM, Cơ Sở nuôi dưỡng trẻ Em khuyết tật Thiên Phước, Củ Chi, Tp.HCM.

### **Chính sách liên quan đến người lao động**

Số lao động vào ngày 31/12/2019 của TVS là 51 người (tại 31/12/2018 TVS có 56 Nhân viên), với thu nhập tiền lương bình quân 33,6 triệu đồng/người/tháng.

Ban lãnh đạo Công ty luôn xem con người là nguồn lực quan trọng nhất. Do vậy, các chính sách nhân sự của Công ty được xây dựng nhằm quan tâm toàn diện tới người lao động, khuyến khích người lao động phát huy tính sáng tạo và thể mạnh của mỗi cá nhân. Xây dựng các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

#### ***Môi trường làm việc:***

Người lao động tại TVS làm việc trong một môi trường làm việc tiêu chuẩn, được trang bị đầy đủ trang thiết bị như máy tính cá nhân, điện thoại và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu công việc.

Thời gian làm việc tại TVS là 05 ngày/tuần, từ thứ hai đến thứ sáu. Thời gian làm việc nghỉ ngơi phù hợp theo quy định của Bộ Luật lao động.

Ngoài ra, môi trường làm việc tại TVS được cán bộ nhân viên đánh giá là thân thiện, hoà đồng và gần gũi. Đây cũng là một trong những yếu tố khiến người lao động tại TVS gắn bó với Công ty, số lượng nhân viên làm việc tại TVS với hơn 5 năm thâm niên chiếm tỷ lệ trên 70%.

#### ***Chính sách lương, thưởng, phụ cấp***

Chính sách lương, khen thưởng và phúc lợi được ban hành theo quy định của Bộ Luật lao động và tình hình hoạt động thực tế của Công ty theo tiêu chí công bằng, minh bạch.

Ngoài khoản lương cơ bản cố định, Công ty còn xây dựng chính sách lương kinh doanh được trả hàng tháng/quý/năm. Mức lương kinh doanh được xác định theo quy chế và phụ thuộc vào tình hình kinh doanh thực tế trong tháng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng xây dựng chính sách phụ cấp như: phụ cấp ăn trưa, phụ cấp điện thoại, tàu xe... nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động.

#### ***Chăm sóc toàn diện người lao động***

Nhằm chăm sóc toàn diện cho cán bộ nhân viên Công ty, bên cạnh việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, Công ty còn mua thêm bảo hiểm "Kết hợp tai nạn con người và chăm sóc sức khỏe" dành cho người lao động. Tham gia bảo hiểm này, người lao động có thể khám chữa bệnh ngoại trú, được thăm khám tại các cơ sở y tế hàng đầu tại Việt Nam, tạo cho người lao động sự yên tâm, tập trung vào công tác.

Ngoài ra, để gắn kết các cán bộ nhân viên trong Công ty, hàng năm, TVS có tổ chức các chương trình giao lưu như Tiệc gia đình, chương trình nghỉ mát thường niên..., để các thành viên trong Công ty cùng gia đình có cơ hội gặp mặt, chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Các chương trình này đã thực sự là cầu nối đưa mọi người lại gần nhau hơn.

#### - **Chính sách đào tạo**

Ban lãnh đạo TVS rất quan tâm tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Các nhân viên mới gia nhập TVS được hướng dẫn, đào tạo rất tận tình các kiến thức chuyên môn cũng như các kỹ năng làm việc, kỹ năng sử dụng hệ thống kỹ thuật tại TVS.

Hàng năm, TVS dành một ngân sách nhất định để hỗ trợ cho các nhân viên nòng cốt tham dự các khóa đào tạo nâng cao về chuyên môn, quản lý tại các tổ chức trong nước và quốc tế như:

- o Nhân viên TVS được hỗ trợ theo các khóa học do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức.
- o Tham gia khóa đào tạo chuyên môn về kiểm toán, công nghệ thông tin
- o Được hỗ trợ thi lấy chứng chỉ ACCA, CFA,...



## BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá của HĐQT về hoạt động kinh doanh:

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thận trọng, tốc độ tăng cung tiền M2 và tăng trưởng tín dụng lần lượt là 12,5% và 12,1%, đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất trong 05 năm qua, đã góp phần để ổn định kinh tế vĩ mô và giúp Việt Nam giảm bớt các rủi ro đến từ kinh tế thế giới. Đồng Việt Nam vẫn khá ổn định so với các đồng tiền khác trong khu vực, dao động dưới 1,0% trong năm 2019. Trong năm 2019 nước ngoài vẫn tiếp tục mua ròng trên thị trường Việt Nam khoảng 220 triệu USD, giảm khoảng 87% với 2018 trong bối cảnh các nhà đầu tư rút ròng tại các thị trường mới nổi. Với sự thận trọng trong chính sách tiền tệ, thị trường Việt Nam, cụ thể là VNindex, chỉ ghi nhận tăng ở mức khiêm tốn 7,7%. Ngoài ra diễn biến kém tích cực của VNindex một phần là do: (i) không có các thương vụ IPO lớn và trì hoãn thoái vốn tại doanh nghiệp nhà nước, và (ii) thị trường trái phiếu doanh nghiệp sôi động khiến dòng tiền rút khỏi thị trường chứng khoán. Ngoài ra thị trường chứng khoán Việt Nam có 01 số điểm tích cực: (1) Chính phủ ban hành Quyết định 242 thông qua đề án "Tái cấu trúc thị trường với tầm nhìn đến 2025, và (2) Luật Chứng khoán sửa đổi được thông qua phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế.

Trong bối cảnh diễn biến thị trường không được tích cực, TVS vẫn tiếp tục duy trì nằm trong top 5 các công ty có tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) cao với mức 11,9%; mặc dù chỉ ghi nhận mức doanh thu 421 tỷ đồng (-13% so với năm 2018) và lợi nhuận sau thuế 110 tỷ đồng (-21% so với năm 2018)). Kết quả kinh doanh của từng bộ phận cụ thể như sau:

- Bộ phận Tự Doanh và Quản lý Quỹ vẫn tiếp tục đóng góp phần lớn lợi nhuận. Cuối 2019 lợi nhuận chưa phân bổ chi phí chung bộ phận này đạt khoảng 70,7 tỷ (-31% y/y). Nhóm chứng khoán đem lại lợi nhuận đến từ trái phiếu BIDV và cổ phiếu TPB, MWG, FPT và TCM
- Bộ phận kinh doanh nguồn vốn đã có 01 năm thành công với lợi nhuận chưa phân bổ chi phí chung là 62,6 tỷ (+61% so với năm 2018); chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi ngân hàng và trái phiếu.
- Tư vấn tài chính (IB) tiếp tục ghi nhận lợi nhuận chưa phân bổ chi phí chung là 23,1 tỷ (-43% so với năm 2018)

Hoạt động kinh doanh của TVS trong năm qua vẫn tập trung vào 3 mảng chính là Tư vấn Tài Chính (IB), đầu tư vốn và dịch vụ quản lý quỹ bên cạnh hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn vốn. Bộ phận HĐQT đánh giá cao nỗ lực các bộ phận trong hoạt động kinh doanh và đầu tư và đã đóng góp kết quả tích cực cho TVS trong bối cảnh thị trường chứng khoán diễn biến không tích cực.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và thông qua kiểm toán nội bộ để nắm rõ tình hình hoạt động của công ty, từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và Ban điều hành hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao. Căn cứ theo Điều lệ, những quy chế, quy định, phân công phân nhiệm đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định công việc kinh doanh hằng ngày đồng thời tổ chức thực hiện các quyết định, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao cho. HĐQT nhận định Ban Điều hành trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông.



**ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2020:****Ngân hàng đầu tư**

HĐQT vẫn xác định bộ phận Ngân hàng đầu tư là mảng kinh doanh chiến lược nhằm tạo ra tăng trưởng dài hạn cho TVS và gián tiếp đóng góp lợi nhuận cho khoản đầu tư Doanh nghiệp tư nhân "private equity".

HĐQT cho rằng dịch vụ Ngân hàng đầu tư ở Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa để phát triển với thoái vốn nhà nước và IPO công ty tư nhân lớn là xu hướng chính. Với lợi thế riêng (kinh nghiệm Hội Đồng Quản Trị, uy tín về M&A của TVS, tệp khách hàng chọn lọc và tỷ lệ chốt thương vụ cao), chúng tôi tin TVS đang ở vị thế tốt để nắm bắt các cơ hội trên thị trường Việt Nam.

**Hoạt động đầu tư và Quản lý Quỹ**

Năm 2020 mở đầu cùng những diễn biến liên quan đến dịch bệnh nCoV đã gây ra nhiều mối lo ngại cho các nhà đầu tư bên cạnh áp lực từ chiến tranh thương mại Mỹ Trung gây bất ổn toàn cầu. Chúng tôi nhận định một số ngành như hàng không và du lịch sẽ phải chịu những tác động tiêu cực trực tiếp lớn nhất khi giao thương và du lịch giữa Việt Nam và các nước đối mặt với sự gián đoạn đáng kể. Ngoài ra thì các ngành nghề khác như dệt may, bán lẻ, thủy sản, bia, dầu khí, cảng biển... cũng phải đối mặt với những bất lợi nhất định. Trước tình hình đó, danh mục đầu tư hiện tại của TVS và các quỹ sẽ thiên về xu hướng phòng thủ với việc phân bổ vào các doanh nghiệp đầu ngành, chia cổ tức ổn định của các ngành ít chịu ảnh hưởng nhất bởi tình hình trên như công nghệ thông tin, tài chính, điện, nước, khu công nghiệp, dệt may, tiêu dùng và tiện ích v.v...

Dự kiến danh mục đầu tư của TVS sẽ tăng trưởng ở mức 10%-15% trong năm 2020. TVAM đặt kế hoạch tăng trưởng NAV 10%-15% cho các quỹ đang quản lý trong năm 2020.

**Kinh doanh nguồn vốn**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đánh giá diễn biến lãi suất năm 2020 vẫn thuận lợi cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn, TVS tiếp tục duy trì nợ vay ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động này. Nếu thị trường diễn biến thuận lợi, HĐQT TVS có thể sẽ cân nhắc phát hành trái phiếu để gia tăng hiệu quả hoạt động.

**Môi giới**

Năm 2020, TVS chú trọng phát triển mảng khách hàng tổ chức trong và ngoài nước. Ngoài ra, TVS sẽ tham gia cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh.

**CHÍNH SÁCH CỔ TỨC:**

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng luôn đảm bảo tỷ lệ cổ tức trích cho cổ đông trên bảy mươi phần trăm (70%) lợi nhuận sau thuế. Tùy theo tình hình kinh doanh mỗi năm, tỷ lệ cổ tức dao động từ 10% đến mười lăm phần trăm (15%) trở lên.

**THU NHẬP**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (bao gồm thù lao, lương tham gia điều hành) trong năm 2019 là 5.718.220.182 đồng (năm 2018 là 6.952.572.363 đồng).



## BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2019, hoạt động của Ban kiểm soát bao gồm:

- Trong năm, BKS đã tiến hành 3 cuộc họp tập trung để xác định công việc trong năm và đánh giá kết quả hoạt động trong năm cũng như xem xét các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi công việc qua email, điện thoại để giải quyết công việc.
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty cũng như tham gia đóng góp ý kiến.

Công tác giám sát kiểm tra bao gồm:

- Giám sát TVS tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019 và tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành.
- Xem xét các báo cáo tài chính và báo cáo an toàn tài chính theo quý, báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán của TVS. Phòng vấn kế toán trưởng Công ty về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính và chính sách kế toán của Công ty. Xem xét thư quản lý của Công ty kiểm toán EY.
- Xem xét báo cáo đánh giá an toàn hệ thống thông tin của TVS cũng như giám sát việc TVS phòng xử lý và phòng ngừa lỗ hổng tồn tại và tinh chỉnh các thông số theo đúng chuẩn quốc tế.
- BKS đã tiến hành kiểm tra và xem xét hồ sơ tại bộ phận kinh doanh nguồn vốn nhằm kiểm tra tính tuân thủ quy chế tài chính, quy chế quản trị và các quy định nội bộ TVS, kiểm tra việc tuân thủ các quy định đầu tư, quy định cho vay Công ty chứng khoán
- Giám sát việc công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông
- Giám sát ý kiến/khiếu nại của cổ đông thông qua email [bankiemsoat@tvs.vn](mailto:bankiemsoat@tvs.vn)

### 2. Kết quả giám sát và kiểm tra năm 2019 :

#### Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ

- Công bố thông tin: Trong năm 2019, TVS đã công bố báo cáo định kỳ như Đại hội cổ đông, báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo khác được công bố thông tin đúng thời hạn. Các nghị quyết HĐQT được công bố thông tin kịp thời. Cán bộ quản lý, cổ đông nội bộ đều công bố thông tin đúng quy định khi giao dịch cổ phiếu TVS. Tất cả các bên liên quan được quyền truy cập những thông tin TVS đã công bố.
- BKS đã tiến hành kiểm tra việc công ty triển khai những điểm sau đây đúng theo nghị quyết số 01//2019/NQ\_ĐHCĐ ngày 29/03/2019 và 02/2019/NQ-ĐHCĐ (23/10/2019):



- TVS đã chi 31,75 tỷ trả cổ tức năm 2018 ở mức 500 đồng/cổ phiếu và đã phát hành 12.700.138 cổ phiếu để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:20 và 2.222.187 cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:3,5
- Đã phát hành 1.700.000 cổ phiếu ESOP
- Đã thực hiện trích lập 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 cho các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính rủi ro nghiệp vụ và 7% cho Quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chi thù lao cho HĐQT là 1.300 triệu đồng và BKS là 300 triệu đồng trong năm 2019 theo ngân sách đã ĐHCĐ được phê duyệt
- Phát hành 10 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu giá 10.000 đồng/cổ phiếu được TVS thực hiện trong Q1.
- Triển khai giao dịch phái sinh: TVS đã ký hợp đồng mua hệ thống trong Q4.2019 và các đối tác đang triển khai.

### Công tác Quản trị điều hành

#### Hội đồng quản trị (HĐQT)

- HĐQT đã có tổ chức 3 cuộc họp tập trung và 8 phiên họp lấy ý kiến bằng văn bản để quản lý và chỉ đạo hoạt động của TVS. Số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định, việc thảo luận và biểu quyết đảm bảo công khai. 17 nghị quyết được HĐQT ban hành trong năm 2019 theo đúng trình tự, thẩm quyền và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các cuộc họp HĐQT tập trung chủ yếu: Cập nhật tình hình kinh doanh Công ty theo quý; cập nhật diễn biến thị trường nhằm đưa ra các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh; thảo luận về việc vay vốn và phân bổ nguồn vốn cho các bộ phận kinh doanh; thảo luận và quyết định về nhân sự; lựa chọn tổ chức EY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, triển khai chi trả cổ tức năm 2018; triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP và phát hành 10 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu; triển khai hệ thống giao dịch phái sinh v.v.... Trưởng Ban kiểm soát có tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT. Những ý kiến đóng góp của Ban Kiểm Soát trong các buổi họp đã được HĐQT quan tâm và cân nhắc.

Ban Kiểm Soát nhận định HĐQT trong năm qua đã hoàn thành tốt trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý của luật Chứng khoán và luật Doanh nghiệp cũng như trong khuôn khổ điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội cổ đông. Ban Kiểm Soát chưa phát hiện các trường hợp bất thường nào gây thiệt hại cho cổ đông từ các thành viên của HĐQT.

#### Ban điều hành (BDH)

- BDH đã triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được qui định trong điều lệ TVS. BDH đã tuân thủ hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt đặc biệt trong hoạt động đầu tư vốn và hoạt động giao dịch ký quỹ, lãnh vực nhiều cạnh tranh và rủi ro.
- BDH và bộ phận IT thông qua đối tác thực hiện đánh giá an toàn hệ thống công nghệ thông tin nhằm rà soát hạ tầng công nghệ thông tin, phát hiện sớm điểm yếu tồn tại, xác định các nguy cơ rò rỉ dữ liệu, xâm nhập hoặc đánh cắp thông tin nội bộ.
- BDH đang triển khai mua hệ thống giao dịch phái sinh



BĐH và các bộ phận nghiệp vụ đã cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho BKS được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra, giám sát kịp thời nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

### Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của công ty trong năm 2019

- Doanh thu TVS năm 2019 đạt 426 tỷ đồng, giảm 12,5% so với năm 2018 chủ yếu do doanh thu hoạt động tự doanh (chiếm 48,8% tổng doanh thu) giảm 26%. Điểm sáng doanh thu hoạt động kinh doanh nguồn vốn đạt 158,3 tỷ đồng đóng góp 37% tổng doanh thu và tăng trưởng 34,6%. Lợi nhuận gộp bộ phận kinh doanh nguồn vốn đạt 62,6 tỷ đồng đóng góp 40% lợi nhuận gộp, tuy nhiên, lợi nhuận các bộ phận khác đều giảm dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 110 tỷ đồng hoàn thành 88% kế hoạch.
- Tổng tài sản năm 2019 tăng so với năm 2018 chủ yếu do TVS tiếp tục gia tăng nợ vay ngắn hạn (1.956 tỷ đồng, +25,6%) để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nguồn vốn như kinh doanh trái phiếu trên thị trường thứ cấp, hoạt động tiền gửi. Nợ vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi. Tuy tăng nợ vay nhưng TVS vẫn đảm bảo những chỉ số nằm dưới những giới hạn quy định an toàn cho ngành chứng khoán.
- Công ty đã tuân thủ theo các quy định về hạn chế đầu tư, đầu tư tài sản cố định, và hạn mức vay theo TT 210/2012/TT-BTC (30/11/2012) và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định.
- Ban Kiểm Soát đồng thuận với số liệu trong báo cáo tài chính năm 2019 được TVS lập, kiểm toán bởi công ty EY và xác định các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của TVS.

### 3. Báo cáo tự đánh giá Ban kiểm soát

- BKS đã có nhiều cuộc họp/trao đổi để xác định công việc trong năm; họp đánh giá tình hình tài chính và đầu tư Công ty; họp đánh giá kết quả hoạt động trong năm cũng như xem xét các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Ban điều hành và Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm 2019, các thành viên Ban Kiểm Soát đã thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm Soát hoạt động chuyên trách tại TVS.
- Các thành viên Ban Kiểm Soát tự đánh giá đã hoàn thành nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát trong khuôn khổ pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị TVS trong năm 2019. Trong quá trình thực hiện công việc, Ban Kiểm Soát đã phối hợp tốt với HĐQT, BĐH mà không để ảnh hưởng hoặc gây trở ngại đến hoạt động kinh doanh của TVS.

#### 4. Kế hoạch hoạt động cho năm 2020 của BKS

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
- Kiểm tra các BCTC hàng năm, sáu tháng, quý trước khi đệ trình HĐQT xem xét và phê duyệt. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Kết hợp với kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm tra hoạt động môi giới, đầu tư, tư vấn và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty
- Phối hợp với các bộ phận trong công ty trong việc theo dõi và xử lý theo thẩm quyền về các khiếu nại của cổ đông và khách hàng.

#### 5. Kết luận và kiến nghị:

Trong năm 2019, HĐQT và BDH đã vận hành Công ty đạt kết quả kinh doanh rất hiệu quả và không có sự cố gây tổn thất tài chính hay pháp lý cho TVS, hoàn toàn trong khuôn khổ pháp luật cũng như điều lệ Công ty, đúng nghị quyết Đại hội cổ đông. BKS không phát hiện sự cố hay vi phạm nào ảnh hưởng đến hoạt động, tài chính của TVS.

BKS đã nhận được sự hỗ trợ và hợp tác tích cực từ phía HĐQT, BDH cũng như các Bộ phận để có được các kết quả kiểm soát nêu trên. BKS đã kiến nghị những thay đổi cần thiết nhằm nâng cao chất lượng Quản trị doanh nghiệp tại TVS.

Kiến nghị :

- Ngành kinh doanh cốt lõi TVS là đối nhân, do đó TVS cần tiếp tục chú trọng và củng cố đội ngũ chủ chốt tại các bộ phận cốt lõi như ngân hàng đầu tư, quản lý quỹ.
- TVS cần tăng tốc đáng kể hoạt động quan hệ nhà đầu tư nhằm giúp nhà đầu tư và khách hàng hiểu rõ mô hình kinh doanh của TVS và giá trị thực tiềm ẩn của TVS
- TVS tăng cường áp dụng công nghệ thích ứng sự biến động của xã hội do dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp.

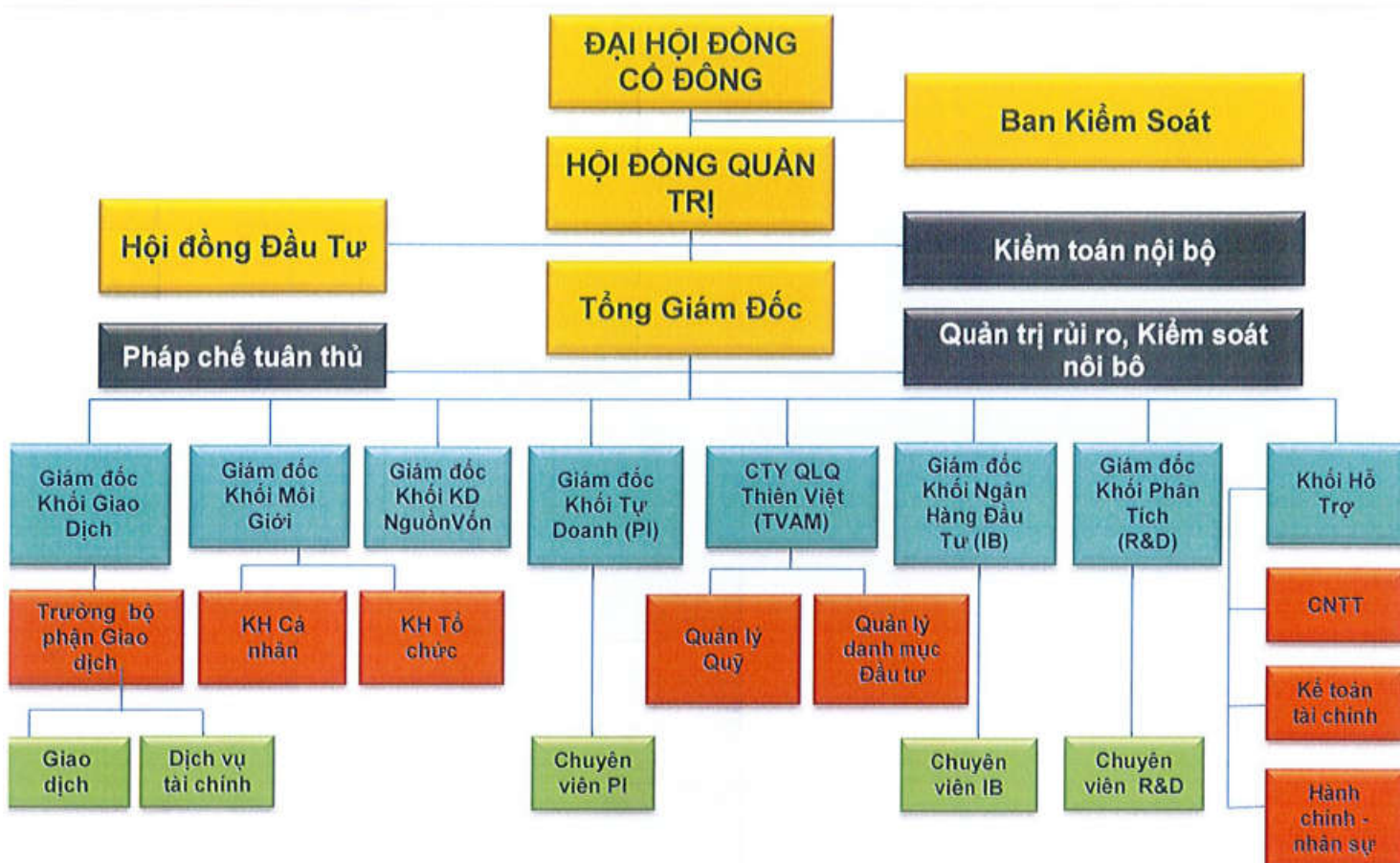


## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

### PHẦN III: QUAN TRỊ CÔNG TY

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

## SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.

**Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. HĐQT có 7 thành viên trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.

**Ban Kiểm soát (BKS)**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;



- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông.

### **Hội đồng Đầu tư**

Hội Đồng Đầu Tư là tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị bao gồm 4 thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Hội Đồng Đầu Tư có thẩm quyền quyết định các vấn đề đầu tư, kinh doanh, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty.

### **Kiểm toán nội bộ**

Kiểm toán nội bộ là một cơ quan chức năng trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng, nhiệm vụ:

- Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong hoạt động của Cty;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty.

### **Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Cty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho Tổng Giám đốc là Giám đốc và các Giám đốc điều hành phụ trách các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của Cty.

### **Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (QTRR&KSNB):**

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ là bộ phận trực thuộc Tổng Giám đốc có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty.
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.



- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty. Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
- Đề xuất các chiến lược, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với các mục tiêu chiến lược chung của TVS trình cho Tổng Giám đốc xem xét.
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ. Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.
- Giúp TGD trong việc tối đa hóa nhận thức rủi ro và huấn luyện nhận thức rủi ro tại TVS.

### **Khối hỗ trợ:**

#### **Công nghệ Thông tin (IT)**

Phòng Công nghệ thông tin có chức năng đảm bảo duy trì hệ thống Công nghệ thông tin của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của TVS.

#### **Tài chính Kế toán**

Phòng ghi chép mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính để phục quản lý và thống kê kinh doanh. Phòng này có chức năng quản lý tiền mặt và hoạt động ngân quỹ.

Kiểm tra và kiểm soát chi phí trong nghiệp vụ thanh toán phát sinh của các phòng ban cho hợp lý và đúng theo qui định của Công ty.

#### **Hành chính – nhân sự**

Phòng hành chính có chức năng quản lý cơ sở vật chất và đảm bảo cho hoạt động tại trụ sở công ty như hệ thống điện, nước, công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phương tiện vận chuyển, hoạt động văn thư, lễ tân.

- Tổ chức tuyển dụng và đào tạo cán bộ nhân viên.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng nhân viên hàng năm và hệ thống thông tin nhân viên trong toàn công ty.
- Tăng cường nghiệp vụ quản trị nhân sự để phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

#### **Pháp chế**

- Tư vấn pháp luật cho Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ và giảm thiểu rủi ro về mặt pháp lý.
- Thẩm định về mặt pháp lý trong các các hoạt động của Công ty.
- Soạn thảo, xây dựng, sửa đổi các văn kiện điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Văn bản, thoả thuận, hợp đồng trong hoạt động thương mại với các đối tác.
- Đưa ra các giải pháp về mặt pháp lý cho các tranh chấp, khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ kinh tế, lao động, dân sự, ... giữa Công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị bao gồm 7 thành viên nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông năm 2019 trong đó có 3 thành viên độc lập với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	TV độc lập/ không độc lập	Tỷ lệ sở hữu 09/04/2020
1	Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ Tịch	Không độc lập	29.840%
2	Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ Tịch	Không độc lập	4.9%
3	Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Độc lập	0.00%
4	Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	Độc lập	0.00%
5	Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Không độc lập	1.429%
6	Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Độc lập	0.00%
7	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Không độc lập	0.82%

Ông Phan Minh Tâm và Ông Nguyễn Thành Nam là hai thành viên HĐQT độc lập mới thay thế Ông Phan Thanh Diện và Ông Phạm Ngọc Quỳnh thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT do hết nhiệm kỳ

**Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định vấn đề về đầu tư, kinh doanh vốn của Công ty. Hội đồng đầu tư bao gồm các thành viên sau:

- Ông Nguyễn Trung Hà
- Bà Đinh Thị Hoa
- Bà Nguyễn Thanh Thảo
- Bà Bùi Thị Kim Oanh

Tiểu ban quản trị rủi ro trực thuộc Hội đồng quản trị cập nhật khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS. Định kỳ sáu tháng, Bộ phận QTRR sẽ gửi báo cáo danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR.

**Hoạt động của Hội đồng quản trị:** Trong năm 2019, HĐQT TVS đã thực hiện 11 cuộc họp, trong đó có 3 cuộc họp tập trung và 8 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2019 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	19022019/NQ HĐQT	19/2/2019	Thông qua tổ chức Hội Đại hội Cổ đông Thường niên 2019
2	18032019/NQ HĐQT	18/03/2019	Thông qua tài liệu, thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ năm 2019
3	020419/NQ HĐQT	02/04/2019	Bổ nhiệm Chức danh Hội đồng Quản trị
4	020419/NQ HĐQT-2	02/04/2019	Thông qua trả cổ tức
5	020419/NQ HĐQT-3	02/04/2019	Thông qua triển khai dự án mua core giao dịch phái sinh và tích hợp giao dịch trực tuyến với thị trường cơ sở
6	02052019/NQ-HĐQT	02/05/2019	Thông qua hạn mức đầu tư và vay vốn
7	25062019/NQ HĐQT_1	25/06/2019	Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) <i>Approving for the Employees' Stock Option Plan ("the ESOP")</i>
8	25062019/NQ HĐQT_2	25/06/2019	Thông qua quy chế Chương trình ESOP
9	25062019/NQ HĐQT_3	25/06/2019	Thông qua EY là DN kiểm toán
10	02072019/NQ HĐQT	02/07/2019	Thông qua Tăng vốn Điều lệ lên



			784.047.000.000 và sửa đổi Điều lệ
11	31072019/NQ HĐQT	31/07/2019	Thông qua ký kết hợp đồng quản lý danh mục ĐT với TVAM
12	03092019/NQ HĐQT	03/09/2019	Thông qua Tăng vốn Điều lệ lên 801.247.000.000 và sửa đổi Điều lệ
13	12092019/NQ HĐQT	12/09/2019	Thông qua hợp ĐHCĐ bất thường
14	17092019/NQ HĐQT	17/09/2019	Thông qua lựa chọn đối tác và thực hiện dự án phái sinh
15	16102019/NQ HĐQT	16/10/2019	Thông qua Điều chỉnh phương án phát hành 10 triệu CP cho CĐ hiện hữu
16	23102019/NQ HĐQT	23/10/2019	Thông qua triển khai phương án phát hành, hồ sơ đăng ký chào bán và niêm yết bổ sung 10 triệu CP
17	26112019/NQ HĐQT	26/11/2019	Thông qua phương án xử lý CP phát hành không đăng ký mua hết

### Hoạt động thành viên quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại cơ cấu thành viên HĐQT của TVS chỉ có 1/7 thành viên tham gia điều hành, có 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Việc tuân thủ đúng quy định này giúp HĐQT có thể đưa ra các quyết định một cách khách quan và độc lập.

Có 5 thành viên HĐQT tham gia làm thành viên trong các Tiểu ban trực thuộc HĐQT. Do vậy ngoài nhiệm vụ chung của HĐQT, các thành viên này còn đảm trách các công việc được giao tại Tiểu ban mình tham gia.

### BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ

Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2024 được bầu lại vào Đại hội đồng cổ đông năm 2019 ngày 29/03/2019 và Đại hội Đồng Cổ đông Bất thường 23/10/2019 với 2 thành viên tái trúng cử và 1 thành viên mới

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu 09/04/2020
1	Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban, tái trúng cử	0.01%
2	Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên, tái trúng cử	0.2%
3	Bà/Ms Đồng Thị Phương Liên	Thành viên	0%





- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: .
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính
- Sở hữu cổ phần: 739.876 cổ phần, 0,82%
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2000	Văn phòng luật sư Liebovitz & Do, Mỹ	Phụ trách văn phòng Luật
2000 – 2006	Ameriquest Capital Holdings, Mỹ	Chuyên viên phân tích tài chính
1/2007 - 1/2009	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Trưởng phòng phân tích
2/2009 – 3/2013	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Giám đốc Chi nhánh
3/2013 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Tổng Giám đốc

• **Kế toán trưởng: Ông Lê Quang Tiến**

- Họ và tên: Lê Quang Tiến                      Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số Giấy CMND: Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Cổ phần sở hữu: 387.775 cổ phần, tương đương 0.43 %
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2000 – 2005	Công ty SX bao bì Hanpack	Kế toán trưởng
5/2005 -12/2006	Công ty TNHH V.I.S.T.A	Giám đốc Tài chính
2007 – nay	Công ty CP Chứng khoán Thiên Việt	Kế toán trưởng

**Những thay đổi trong ban điều hành: không có**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019****PHẦN IV: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG****CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**

**Cổ phần:** Công ty chỉ có một loại cổ phần là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Tổng số cổ phần đã phát hành: 90.124.700 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 90.124.700 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

**Cơ cấu cổ đông:**

- Theo tiêu chí cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	04	43.56%
Cổ đông nhỏ	959	56.44%

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	39	24.06%
Cổ đông cá nhân	924	75.94%



• Theo tiêu chí sở hữu nước ngoài:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	918	75.09%
Cổ đông nước ngoài	45	24.91 %

• Theo tiêu chí sở hữu nhà nước:

Cổ đông	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	0	0
Cổ đông ngoài nhà nước	963	100%

## THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2019 đến tháng 4/2020, Công ty đã thực hiện:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 20% ( cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 20 cổ phiếu )
- Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở với tỷ lệ 3.5% ( cổ đông sở hữu 1000 cổ phiếu được nhận thêm 35 cổ phiếu )
- Phát hành 1.700.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty
- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 12.48% ( cổ đông sở hữu 1000 cổ phiếu được mua thêm 124 cổ phiếu với giá 10.000đ/ cp)

Tổng 4 đợt phát hành trên, công ty tăng vốn điều lệ từ 635.023.750.000 đồng ( Sáu trăm ba mươi lăm tỷ không trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn ) lên 901.247.000.000 đồng ( chín trăm linh một tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng)

**Giao dịch cổ phiếu quỹ: không**

Hà Nội, Ngày 17 tháng 04 năm 2020

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN TRUNG HÀ**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019



## **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019





# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	11 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	17
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	18 - 67

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPĐC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND
43/GPĐC-UBCK	19/07/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 635.023.750.000 VND lên 784.247.000.000 VND
57/GPĐC-UBCK	27/09/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 784.247.000.000 VND lên 801.247.000.000 VND

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**

#### *Quy mô vốn*

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 801.247.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 980.277.970.495 VND và tổng tài sản là 2.986.739.785.037 VND.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

#### *Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

#### *Công ty con*

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## CÔNG TY (tiếp theo)

**Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty** (tiếp theo)

**Công ty con** (tiếp theo)

Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 99,20%).

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019
Bà Đồng Thị Phương Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 10 năm 2019
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2019

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo, tái bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2018.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Nguyễn Trung Hà, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

  
Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



Số tham chiếu: 61061644/21276753-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 67, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như: kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Duy Dương  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1



Vũ Tiến Dũng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

12/1 - 2020 - 004 - 1



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.971.798.213.940</b>	<b>2.666.742.261.799</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>2.970.838.573.326</b>	<b>2.665.783.743.516</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	24.829.105.610	85.833.076.149
111.1	1.1 Tiền		16.329.105.610	69.033.076.149
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		8.500.000.000	16.800.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.1	524.481.467.309	405.395.216.341
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.3	2.170.484.153.005	1.868.720.581.764
114	4. Các khoản cho vay	6.4	164.228.754.587	174.053.465.157
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.2	38.847.363.882	30.847.363.882
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.6	(2.934.808.718)	(2.934.808.718)
117	7. Các khoản phải thu	7	37.077.761.928	103.498.552.488
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		212.020.000	16.472.830.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		36.865.741.928	87.025.722.488
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		36.865.741.928	87.025.722.488
118	8. Trả trước cho người bán	8	7.511.050.000	148.463.600
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	6.294.645.723	200.722.154
122	10. Các khoản phải thu khác		19.080.000	21.110.699
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>959.640.614</b>	<b>958.518.283</b>
131	1. Tạm ứng		7.500.000	8.538.462
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	952.140.614	907.849.179
136	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	20	-	42.130.642
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>14.941.571.097</b>	<b>18.431.888.429</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>3.881.574.265</b>	<b>6.313.829.575</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.274.415.519	3.689.870.565
222	1.1 Nguyên giá		19.787.637.347	19.565.987.347
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(17.513.221.828)	(15.876.116.782)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.587.158.746	2.623.959.010
228	2.1 Nguyên giá		12.183.276.309	12.133.276.309
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(10.596.117.563)	(9.509.317.299)
<b>240</b>	<b>II. Chi phí xây dựng dở dang</b>		<b>255.796.481</b>	-
<b>250</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.824.200.351</b>	<b>12.118.058.854</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	1.135.924.539	1.095.248.799
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.777.093.242	1.335.439.919
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	2.138.564.460	2.138.564.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	5.318.026.330	4.713.413.896
256	5. Lợi thế thương mại	16	456.591.780	2.837.391.780
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.986.739.785.037</b>	<b>2.685.174.150.228</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.006.461.814.542</b>	<b>1.811.424.623.028</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>2.000.228.862.079</b>	<b>1.643.244.348.533</b>
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		1.956.448.000.000	1.557.025.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	19	1.956.448.000.000	1.557.025.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	322.867.974	180.280.993
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	1.302.678.217	1.754.160.116
321	4. Người mua trả tiền trước		12.000.000	-
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	19.445.695.603	40.406.202.356
323	6. Phải trả người lao động		6.058.314.818	10.925.295.442
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	12.107.326.634	13.768.739.124
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	1.677.680.351	1.552.517.536
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	854.098.482	17.632.152.966
<b>340</b>	<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>		<b>6.232.952.463</b>	<b>168.180.274.493</b>
341	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn		-	165.000.000.000
342	1.1 Vay dài hạn	19	-	165.000.000.000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14	6.232.952.463	3.180.274.493
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>980.277.970.495</b>	<b>873.749.527.202</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>980.277.970.495</b>	<b>873.749.527.202</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		810.367.431.300	636.300.714.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		801.247.000.000	635.023.750.000
411.1a	1.1.1 Cổ phiếu phổ thông		801.247.000.000	635.023.750.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		9.120.431.300	14.120.765.418
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		-	(12.843.801.118)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.691.838.341	9.927.315.120
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		43.511.105.341	38.492.745.120
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	119.403.975.363	188.723.099.104
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		94.501.733.516	176.069.585.132
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		24.902.241.847	12.653.513.972
418	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	303.620.150	305.653.558
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.986.739.785.037</b>	<b>2.685.174.150.228</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK/HN

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	26.1	38.032.022.388	38.032.022.388
005	2. Ngoại tệ các loại	26.2	2.503.439.765	3.067.766.828
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	26.3	80.124.700	61.952.375
007	4. Cổ phiếu quỹ (*)	26.4	-	1.550.000
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.5	199.791.220.000	201.770.440.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK	26.6	1.470.000	2.630.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	26.7	563.900.000	6.133.330.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK	26.8	193.754.750.000	43.684.040.000
013	9. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	26.9	-	1.230.000.000

(\*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK/HN

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	26.10	1.119.933.770.000	1.049.748.400.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.033.658.380.000	966.764.400.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		2.575.990.000	1.673.000.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		79.200.000.000	79.200.000.000
021.5	d. Tài sản tài chính chờ thanh toán		4.499.400.000	2.111.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	26.11	8.488.190.000	9.020.670.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		8.488.190.000	9.020.670.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	26.12	3.224.100.000	2.719.120.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	26.13	661.310.000	29.224.690.000



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)</b>			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	26.14	63.167.204.628	137.373.913.506
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		63.158.058.860	137.383.335.813
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		9.145.788	10.577.893
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		8.911.449	10.168.269
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		234.319	409.624
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26.15	63.167.204.628	137.373.913.506
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		62.423.988.031	137.149.295.895
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		743.216.597	224.617.611
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26.16	1.661.928.385	1.537.158.235



Bà Hà Thanh Hòa  
Người lập

Ông Lê Quang Tiến  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		228.769.946.808	269.009.759.289
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	107.138.281.357	170.772.031.632
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	101.690.300.781	91.938.501.857
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	27.3	17.941.364.670	6.299.225.800
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	27.3	132.775.025.491	116.293.394.765
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	27.3	24.138.492.582	21.163.347.569
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		8.438.200.861	21.498.768.404
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		468.696.483	491.030.025
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		29.444.037.909	52.255.590.909
11	7. Thu nhập hoạt động khác	29	3.473.605.749	5.356.403.489
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>425.508.005.883</b>	<b>486.058.294.450</b>
	<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(127.122.361.152)	(158.413.450.941)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	27.1	(40.556.013.183)	(13.295.028.625)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	27.2	(86.426.910.938)	(145.013.776.028)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(139.437.033)	(104.646.288)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	28	(16.383.493.831)	(13.298.083.741)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	30	(3.638.742.328)	(7.871.693.342)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	(14.342.413.261)	(11.853.683.395)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(470.648.677)	(502.166.186)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	32	(6.342.939.871)	(11.228.060.117)
32	7. Chi phí các dịch vụ khác	33	(4.626.847.371)	(5.155.169.493)
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>(172.927.446.491)</b>	<b>(208.322.307.215)</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		10.359.609	69.265.418
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		1.343.053.879	1.524.810.436
<b>50</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>34</b>	<b>1.353.413.488</b>	<b>1.594.075.854</b>
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(13.787.081)	(518.364)
52	2. Chi phí lãi vay		(95.133.873.882)	(78.332.671.547)
<b>60</b>	<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>35</b>	<b>(95.147.660.963)</b>	<b>(78.333.189.911)</b>
<b>62</b>	<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ</b>	<b>36</b>	<b>(21.782.728.575)</b>	<b>(24.180.319.968)</b>
<b>70</b>	<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>137.003.583.342</b>	<b>176.816.553.210</b>
	<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	1. Thu nhập khác		1.395.005	-
72	2. Chi phí khác		(4.976.459)	(55)
<b>80</b>	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>37</b>	<b>(3.581.454)</b>	<b>(55)</b>
<b>90</b>	<b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>137.000.001.888</b>	<b>176.816.553.155</b>
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		121.736.612.043	229.891.827.326
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		15.263.389.845	(53.075.274.171)
<b>100</b>	<b>IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)</b>	<b>38</b>	<b>(26.765.981.580)</b>	<b>(36.190.931.498)</b>
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.2	(23.713.303.610)	(45.437.986.332)
100.2	2. (Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	38.3	(3.052.677.970)	9.247.054.834
<b>200</b>	<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>110.234.020.308</b>	<b>140.625.621.657</b>
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ chủ sở hữu		110.235.132.302	140.599.593.875
203	2. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(1.111.994)	26.027.782

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
400	<b>TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN HỢP NHẤT</b>		<b>110.234.020.308</b>	<b>140.625.821.657</b>
401	1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		110.235.132.302	140.599.593.875
402	2. Thu nhập toàn diện phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		(1.111.994)	26.027.782
500	<b>XI. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>		<b>110.235.132.302</b>	<b>140.599.593.875</b>
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	39.4	1.401	1.660
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	39.4	1.383	1.638



Bà Hà Thanh Hòa  
Người lập

Ông Lê Quang Tiến  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN</b>		<b>137.000.001.888</b>	<b>176.816.553.155</b>
02	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>63.762.437.264</b>	<b>(3.794.369.666)</b>
03	- Khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại		5.104.705.310	4.898.681.275
06	- Chi phí lãi vay		95.133.873.882	78.332.671.547
08	- Dự thu tiền lãi		(36.476.141.928)	(87.025.722.488)
10	<b>3. Tăng các chi phí phi tiền tệ</b>		<b>86.426.910.936</b>	<b>145.013.776.028</b>
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	86.426.910.936	145.013.776.028
18	<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>		<b>(101.690.300.781)</b>	<b>(91.938.501.857)</b>
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	27.2	(101.690.300.781)	(91.938.501.857)
30	<b>5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(470.583.656.015)</b>	<b>(1.070.246.711.395)</b>
31	- Tăng tài sản tài chính FVTPL		(103.822.861.123)	(41.961.341.772)
32	- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM		(301.763.571.241)	(942.170.581.764)
33	- Giảm/(tăng) các khoản cho vay		9.824.710.570	(18.354.654.611)
34	- Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS		(8.000.000.000)	(18.789.105.010)
35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		16.260.810.000	(15.987.830.000)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		88.636.122.488	36.278.989.867
37	- (Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(6.093.923.569)	14.369.894.434
39	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(7.360.555.701)	20.465.950.493
40	- Tăng các tài sản khác		(603.573.972)	(426.882.378)
41	- Giảm/(tăng) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(170.000.000)	170.000.000
42	- Giảm chi phí trả trước		(485.944.758)	(612.760.586)
43	- Thuế TNDN đã nộp	20	(43.959.919.080)	(30.735.664.415)
44	- Lãi vay đã trả		(98.625.286.372)	(68.594.671.868)
45	- Giảm phải trả cho người bán		(439.281.899)	(912.474.108)
47	- Giảm/(tăng) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(671.760.641)	107.242.442
48	- Giảm phải trả người lao động		(2.866.980.624)	(2.956.582.969)
50	- Tăng/(giảm) phải trả phải nộp khác		142.979.647	(126.744.133)
52	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.584.619.740)	(9.495.037)
60	<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(285.084.606.708)</b>	<b>(844.149.253.735)</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK/HN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(527.446.481)	(964.424.490)
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		<b>(527.446.481)</b>	<b>(964.424.490)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		21.811.500.000	33.918.773.500
73	Tiền vay gốc		11.403.125.929.364	7.284.389.660.000
73.2	- Tiền vay khác		11.403.125.929.364	7.284.389.660.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(11.168.702.929.364)	(6.364.585.660.000)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(11.168.702.929.364)	(6.364.585.660.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(31.628.417.350)	(33.764.487.460)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>224.808.082.650</b>	<b>919.958.286.040</b>
90	<b>(GIẢM)/ TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(61.003.970.539)</b>	<b>74.844.607.815</b>
101	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>4</b>	<b>85.833.076.149</b>	<b>10.988.468.334</b>
101.1	Tiền		69.033.076.149	10.988.468.334
101.2	Các khoản tương đương tiền		16.800.000.000	-
103	<b>TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>4</b>	<b>24.829.105.610</b>	<b>85.833.076.149</b>
103.1	Tiền		16.329.105.610	69.033.076.149
103.2	Các khoản tương đương tiền		8.500.000.000	16.800.000.000



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03b-CTCK/HN

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		951.174.333.350	762.626.210.300
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(899.367.299.100)	(703.081.936.300)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.318.698.598.356	1.822.767.883.350
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.699.685.939.638)	(1.805.766.918.560)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(442.547.780)	(446.061.023)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		60.260.264.134	65.602.367.791
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.644.118.200)	(9.244.576.000)
20	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(74.206.708.878)</b>	<b>32.456.980.558</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>26.14</b>	<b>137.373.913.506</b>	<b>104.916.932.948</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		137.373.913.506	104.916.932.948
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		137.363.335.613	104.910.816.409
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		10.577.893	6.116.539
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng</b>	<b>26.14</b>	<b>63.167.204.628</b>	<b>137.373.913.506</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		63.167.204.628	137.373.913.506
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		63.158.058.860	137.363.335.613
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		9.146.768	10.577.893

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



*Handwritten signature*

Bà Hà Thanh Hòa  
Người lập

Ông Lê Quang Tiến  
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

B04-CTCK/HN

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		Ngày 1/1/2018	Ngày 1/1/2019	Năm trước	Năm nay	Ngày 31/12/2018	Ngày 31/12/2019
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
<b>L. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.3	546.068.600.800	636.300.714.300	69.344.364.035	20.887.749.465	175.190.948.882	636.300.714.300
1.1 Cổ phiếu phổ thông		578.710.410.000	635.023.750.000	56.313.340.000	-	166.223.250.000	635.023.750.000
1.2 Tháng dư vốn cổ phần		1.089.741.383	14.120.765.418	13.031.024.035	-	8.967.698.882	14.120.765.418
1.3 Cổ phiếu quỹ		(33.731.550.583)	(12.843.801.118)	-	20.887.749.465	-	(12.843.801.118)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	24.3	7.966.772.189	9.927.315.120	7.689.262.931	(5.628.720.000)	5.018.360.221	9.927.315.120
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.3	30.803.482.189	38.492.745.120	7.689.262.931	-	5.018.360.221	38.492.745.120
4. Lợi nhuận chưa phân phối thực hiện	24.2	159.999.687.941	188.723.099.104	184.440.677.212	(155.707.266.049)	110.235.132.302	188.723.099.104
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		103.495.090.632	178.069.585.132	184.440.677.212	(111.866.182.712)	97.966.404.427	178.069.585.132
- Lợi nhuận chưa thực hiện		56.494.597.309	12.663.513.972	-	(43.841.083.337)	12.248.727.875	12.663.513.972
5. Lợi ích của cổ đông thiểu số		382.492.902	305.653.558	26.027.782	(112.867.126)	-	305.653.558
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>745.121.036.021</b>	<b>873.749.527.202</b>	<b>269.189.594.891</b>	<b>(140.561.103.710)</b>	<b>295.462.801.626</b>	<b>873.749.527.202</b>


Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 02/04/2019/NQ-HĐQT\_02 ngày 2 tháng 4 năm 2019, Công ty trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3,5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 2,2% và từ quỹ dự trữ điều lệ với tỷ lệ 1,3%.

Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-HĐQT công thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số lượng dự kiến phát hành là 1.800.000 cổ phiếu. Ngày 30 tháng 8 năm 2019, công ty đã phát hành thành công đợt 1 với số lượng 1.700.000 cổ phiếu ESOP. Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu ESOP đợt 2 trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả phát hành đợt 1.

Bà Hà Thanh Hòa  
Người lập

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

  
Ông Lê Quang Tiến  
Kế toán Trưởng





# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác.

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND
67/GPĐC-UBCK	29/08/2018	Thay đổi vốn điều lệ từ 578.710.410.000 VND lên 635.023.750.000 VND
43/GPĐC-UBCK	19/07/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 635.023.750.000 VND lên 784.247.000.000 VND
57/GPĐC-UBCK	27/09/2019	Thay đổi vốn điều lệ từ 784.247.000.000 VND lên 801.247.000.000 VND

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 60 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 67 người).

### **Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**

#### *Quy mô vốn*

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 801.247.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 980.277.970.495 VND và tổng tài sản là 2.986.739.785.037 VND.

#### *Mục tiêu đầu tư*

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### *Hạn chế đầu tư*

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

### *Công ty con*

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty nắm 99,20% phần vốn chủ sở hữu và 99,20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 99,20%).



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hay "VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.4 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.4 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

### 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

*Thông tư số 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.*

Ngày 8 tháng 8 năm 2019, Bộ tài chính ban hành thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thông tư 48 thay thế cho thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009, và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2019.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

### 3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - ▶ Công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
  - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Nhóm Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

### 3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Nhóm Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong năm hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

### 3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, những công cụ này sẽ được phân ánh theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/lỗ" từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

### 3.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá bình quân gia quyền của các giá giao dịch thực hiện theo phương pháp khớp lệnh liên tục của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán..
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.7 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính* (tiếp theo)

Cho mục đích lập dự phòng giảm giá chứng khoán, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo quy định của Thông tư số 146/2014/TT-BTC.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

### 3.8 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Nhóm Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Nhóm Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Nhóm Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Nhóm Công ty. Trong trường hợp đó, Nhóm Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Nhóm Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận mà có hình thức báo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Nhóm Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

### 3.9 *Phân loại lại tài sản tài chính*

*Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL*

Nhóm Công ty khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ*

Nhóm Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)**

*Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ (tiếp theo)*

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

**3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá ghi hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá ghi hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá ghi hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**3.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp**

Trong năm, Nhóm Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Nhóm Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Nhóm Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Nhóm Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Nhóm Công ty sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Nhóm Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÌNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

### 3.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.15 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	2-5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	1-5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2-3 năm

### 3.16 *Thuế tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

### 3.17 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) tháng đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí bảo trì hệ thống;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Chi phí trang phục cho nhân viên;
- ▶ Chi phí dịch vụ khác;
- ▶ Chi phí mua thiết bị tin học;
- ▶ Chi phí công cụ, dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa văn phòng; và
- ▶ Chi phí dài hạn khác.

### 3.18 *Các khoản vay*

Các khoản vay được phát hành bởi Nhóm Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

### 3.19 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.20 Lợi ích của nhân viên

#### 3.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

#### 3.20.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

### 3.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

### 3.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 3.23 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.23 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Thu nhập khác*

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

#### *Thu nhập lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ khác*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### 3.24 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

### 3.25 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu, chứng chỉ quỹ.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.27 *Vốn chủ sở hữu*

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Nhóm Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Nhóm Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

#### *Các quỹ*

Nhóm Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty.

### 3.28 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Nhóm Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.29 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND
Tiền mặt tại quỹ	289.510.050	254.440.642
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Nhóm Công ty	16.039.595.560	68.778.635.507
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	16.800.000.000
	<b>24.829.105.610</b>	<b>85.833.076.149</b>

## 5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Cửa Công ty	<b>60.959.888</b>	<b>23.433.676.054.022</b>
- Cổ phiếu	30.835.824	706.997.961.739
- Trái phiếu	30.113.790	12.715.385.935.333
- Khác	10.274	10.011.292.156.950
b. Cửa nhà đầu tư	<b>249.612.716</b>	<b>6.024.309.111.700</b>
- Cổ phiếu	239.716.116	5.110.661.560.200
- Trái phiếu	8.140.000	895.520.810.000
- Chứng quyền	196.410	446.028.800
- Chứng chỉ quỹ	1.560.190	17.680.712.700
	<b>310.572.604</b>	<b>29.457.985.165.722</b>

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### 6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>323.047.833.818</b>	<b>352.522.304.009</b>	<b>235.696.661.803</b>	<b>248.665.950.291</b>
ACB	63.697.487.095	66.349.960.800	2.306.736.495	3.853.209.600
MWG	35.718.156.000	45.600.000.000	32.895.050.000	32.002.080.000
PNJ	30.347.403.620	41.280.946.000	8.348.303.965	15.878.856.800
SSI	36.628.010.600	26.172.500.000	6.243.355.600	5.863.000.000
FPT	16.997.090.191	22.448.240.100	23.051.205.806	23.370.613.200
TCB	21.533.055.500	21.430.500.000	-	-
REE	17.265.353.497	18.694.681.500	8.081.653.414	7.483.014.000
MBB	15.526.717.592	16.016.000.000	15.442.000.000	14.004.000.000
CII	18.558.750.205	15.300.000.000	10.215.970.482	8.135.118.000
NLG	15.748.430.500	15.125.000.000	-	-
DHC	10.098.327.690	14.553.600.000	7.215.222.863	8.970.000.000
TCM	12.589.382.559	11.136.172.800	21.913.797.567	21.160.207.000
Cổ phiếu khác	28.339.668.869	38.414.702.809	99.983.365.611	107.945.853.691



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>27.062.726.181</b>	<b>19.204.113.300</b>	<b>61.346.087.073</b>	<b>44.089.266.050</b>
LPB	27.061.340.001	19.200.000.000	24.476.720.001	19.971.000.000
BSR	-	-	36.857.398.435	24.115.000.000
Cổ phiếu khác	11.386.180	4.113.300	11.968.637	3.288.050
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>50.755.050.000</b>	<b>50.755.050.000</b>	-	-
NEWCO112020	50.755.050.000	50.755.050.000	-	-
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>92.451.095.000</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>92.451.095.000</b>	<b>112.640.000.000</b>
FUCTVGF1	58.111.095.000	64.260.000.000	58.111.095.000	78.300.000.000
FUCTVGF2	34.340.000.000	37.740.000.000	34.340.000.000	34.340.000.000
	<b>493.316.704.999</b>	<b>524.481.467.309</b>	<b>389.493.843.876</b>	<b>405.395.216.341</b>

### 6.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá trị đánh giá lại VND
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	27.847.363.882	27.847.363.882	27.847.363.882	27.847.363.882
- CTCP Finhay	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
- CTCP Viễn Thông Tinh Văn	3.000.000.000	645.350.000	3.000.000.000	645.350.000
	<b>38.847.363.882</b>	<b>36.492.713.882</b>	<b>30.847.363.882</b>	<b>28.492.713.882</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 6.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng	2.069.700.000.000	2.069.700.000.000	1.868.720.581.764	1.868.720.581.764
Trái phiếu chưa niêm yết	100.784.153.005	100.784.153.005	-	-
	<b>2.170.484.153.005</b>	<b>2.170.484.153.005</b>	<b>1.868.720.581.764</b>	<b>1.868.720.581.764</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng.

Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi là 1.946.679 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (31/12/2018: 1.597.775 triệu đồng).

#### 6.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	160.389.296.901	159.809.138.183	173.000.406.140	172.420.247.422
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	3.839.457.686	3.839.457.686	1.053.059.017	1.053.059.017
	<b>164.228.754.587</b>	<b>163.648.595.869</b>	<b>174.053.465.157</b>	<b>173.473.306.439</b>

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản cho vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (thuyết minh 6.6).

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)</b>								
<b>1. Cổ phiếu niêm yết</b>								
ACB	63.697.487.095	2.652.473.705	-	66.349.960.800	2.306.736.495	1.546.473.105	-	3.853.209.600
MWG	35.718.156.000	9.881.844.000	-	45.600.000.000	32.895.050.000	-	(892.970.000)	32.002.080.000
PNJ	30.347.403.620	10.933.542.380	-	41.280.946.000	8.348.303.965	7.530.552.835	-	15.878.856.800
SSI	36.628.010.600	-	(10.455.510.600)	26.172.500.000	6.243.355.600	-	(380.355.600)	5.863.000.000
FPT	16.997.090.191	5.451.149.909	-	22.448.240.100	23.051.205.806	319.407.394	-	23.370.613.200
TCB	21.533.055.500	-	(102.555.500)	21.430.500.000	-	-	-	-
REE	17.265.353.497	1.429.328.003	-	18.694.681.500	8.081.653.414	-	(598.639.414)	7.483.014.000
MBB	15.526.717.592	489.282.408	-	16.016.000.000	15.442.000.000	-	(1.438.000.000)	14.004.000.000
CII	18.568.750.205	-	(3.258.750.205)	15.300.000.000	10.215.970.482	-	(2.080.854.482)	8.135.116.000
NLG	15.748.430.500	-	(623.430.500)	15.125.000.000	-	-	-	-
DHC	10.098.327.590	4.455.272.410	-	14.553.600.000	7.215.222.863	1.754.777.137	-	8.970.000.000
TCM	12.589.382.559	-	(1.453.209.759)	11.136.172.800	21.913.797.567	-	(753.590.567)	21.160.207.000
Khác	28.339.668.869	13.284.911.218	(3.209.877.278)	38.414.702.809	99.983.365.611	24.099.587.905	(16.137.089.825)	107.945.853.691
	<b>323.047.833.818</b>	<b>48.577.804.033</b>	<b>(19.103.333.842)</b>	<b>352.522.304.009</b>	<b>235.696.661.803</b>	<b>35.250.798.376</b>	<b>(22.281.509.888)</b>	<b>248.665.950.291</b>



## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Các loại tài sản tài chính	Năm nay				Năm trước			
	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
<b>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)</b>								
<b>Có phiếu chưa niêm yết</b>								
LPB	27.051.340.001	-	(7.851.340.001)	19.200.000.000	24.476.720.001	-	(4.505.720.001)	19.971.000.000
BSR	-	-	-	-	36.857.398.435	-	(12.742.398.435)	24.115.000.000
Cổ phiếu khác	11.386.160	982.653	(8.255.533)	4.113.300	11.968.637	401.503	(9.104.090)	3.266.050
	<b>27.062.726.161</b>	<b>982.653</b>	<b>(7.859.595.534)</b>	<b>19.204.113.300</b>	<b>61.346.087.073</b>	<b>401.503</b>	<b>(17.257.222.526)</b>	<b>44.089.266.050</b>
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>								
NEWCO112020 (*)	50.755.050.000	-	-	50.755.050.000	-	-	-	-
<b>Chứng chỉ quỹ</b>								
FUCTVGF1	58.111.095.000	6.148.905.000	-	64.260.000.000	58.111.095.000	20.188.905.000	-	78.300.000.000
FUCTVGF2	34.340.000.000	3.400.000.000	-	37.740.000.000	34.340.000.000	-	-	34.340.000.000
	<b>92.451.095.000</b>	<b>9.548.905.000</b>	<b>-</b>	<b>102.000.000.000</b>	<b>92.451.095.000</b>	<b>20.188.905.000</b>	<b>-</b>	<b>112.640.000.000</b>
	<b>493.316.704.999</b>	<b>58.127.691.686</b>	<b>(26.962.929.376)</b>	<b>524.481.467.309</b>	<b>389.493.843.876</b>	<b>55.440.104.879</b>	<b>(39.538.732.414)</b>	<b>405.395.216.341</b>

(\*) Công ty đã bán toàn bộ trái phiếu này vào ngày 3 tháng 1 năm 2020 với giá 50.855.150.000 VND.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 6.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản cho vay	580.158.718	580.158.718
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.354.650.000	2.354.650.000
	<b>2.934.808.718</b>	<b>2.934.808.718</b>

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

STT	Loại TSTC	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Cơ sở lập dự phòng		Giá trị dự phòng 31/12/2019 VND	Giá trị dự phòng 31/12/2018 VND	Mức trích lập dự phòng năm nay VND
				Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị lập dự phòng			
<b>I</b>	<b>HTM</b>		<b>2.170.484.153.005</b>	<b>2.170.484.153.005</b>		-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng		1.729.700.000.000	1.729.700.000.000		-	-	-
	Chứng chỉ tiền gửi		340.000.000.000	340.000.000.000		-	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết		100.784.153.005	100.784.153.005		-	-	-
<b>II</b>	<b>Cho vay</b>		<b>164.228.754.587</b>	<b>163.648.595.869</b>	<b>(580.158.718)</b>	<b>(580.158.718)</b>	<b>(580.158.718)</b>	-
	Cho vay kỳ quỹ		160.389.296.901	159.809.138.183	(580.158.718)	(580.158.718)	(580.158.718)	-
	Ứng trước		3.839.457.686	3.839.457.686	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>AFS (cổ phiếu)</b>		<b>38.847.363.882</b>	<b>36.492.713.882</b>	<b>(2.354.650.000)</b>	<b>(2.354.650.000)</b>	<b>(2.354.650.000)</b>	-
	CTCP Dịch vụ Di		27.847.363.882	27.847.363.882	-	-	-	-
	Đông Trục Tuyên	918.404	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-	-
	CTCP Finhay	7.071	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-	-	-
	CTCP Viễn Thông Tinh Vân	50.000	3.000.000.000	645.350.000	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
			<b>2.373.560.271.474</b>	<b>2.370.625.462.756</b>	<b>(2.934.808.718)</b>	<b>(2.934.808.718)</b>	<b>(2.934.808.718)</b>	-

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	212.020.000	16.472.830.000
- Cổ phiếu niêm yết	212.020.000	-
- Trái phiếu	-	16.472.830.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36.865.741.928	87.025.722.488
- Dự thu tiền lãi các tài sản tài chính	36.476.141.928	86.889.423.288
- Cổ tức	389.600.000	136.299.200
	<b>37.077.761.928</b>	<b>103.498.552.488</b>

## 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng khác	<b>7.511.050.000</b>	<b>148.463.600</b>

## 9. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu phí tư vấn	5.848.394.000	52.700.000
Phải thu phí quản lý quỹ tăng trưởng Thiên Việt	262.871.574	-
Phải thu phí lưu ký	160.326.057	134.593.242
Phải thu phí giao dịch	23.054.092	13.428.912
	<b>6.294.645.723</b>	<b>200.722.154</b>

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	952.140.614	907.849.179
- Phí bảo trì hệ thống	273.987.500	302.500.794
- Tiền thuê văn phòng	164.569.860	211.153.197
- Phí bảo hiểm	18.915.870	32.135.143
- Phí dịch vụ khác	494.667.384	362.060.045
Chi phí trả trước dài hạn	1.777.093.242	1.335.439.919
- Công cụ, dụng cụ	1.106.737.293	279.689.379
- Thiết bị tin học	331.680.151	448.246.618
- Chi phí sửa chữa văn phòng	304.732.953	564.053.925
- Khác	33.942.845	43.449.997
	<b>2.729.233.856</b>	<b>2.243.289.098</b>



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt**

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.491.567.770	15.980.701.997	1.891.120.700	202.596.880	19.565.987.347
Mua trong năm	-	221.650.000	-	-	221.650.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.491.567.770	16.202.351.997	1.891.120.700	202.596.880	19.787.637.347
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	1.491.567.770	13.509.561.224	672.390.908	202.596.880	15.876.116.782
Khấu hao trong năm	-	1.321.918.266	315.186.780	-	1.637.105.046
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.491.567.770	14.831.479.490	987.577.688	202.596.880	17.513.221.828
<b>Giá trị còn lại</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	-	2.471.140.773	1.218.729.792	-	3.689.870.565
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	1.370.872.507	903.543.012	-	2.274.415.519

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.574.408.457 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 12.362.084.312 đồng).

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	9.831.729.909	2.301.546.400	12.133.276.309
Mua trong năm	50.000.000	-	50.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	9.881.729.909	2.301.546.400	12.183.276.309
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	7.207.770.899	2.301.546.400	9.509.317.299
Hao mòn trong năm	1.086.800.264	-	1.086.800.264
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	8.294.571.163	2.301.546.400	10.596.117.563
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 1 tháng 1 năm 2019	2.623.959.010	-	2.623.959.010
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.587.158.746	-	1.587.158.746

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.917.747.195 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.756.247.195 đồng).

### 13. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	771.901.000	771.901.000
Đặt cọc thanh toán thẻ visa	250.000.000	250.000.000
Đặt cọc dài hạn khác	114.023.539	73.347.799
	<b>1.135.924.539</b>	<b>1.095.248.799</b>

### 14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Dự phòng giám giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 38.3)	470.930.000	470.930.000
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 38.3)	1.665.634.460	1.665.634.460
	<b>2.136.564.460</b>	<b>2.136.564.460</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 38.3)	6.232.952.463	3.180.274.493

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.198.026.330	4.593.413.896
	<b>5.318.026.330</b>	<b>4.713.413.896</b>

## 16. LỢI THÊ THƯƠNG MẠI

Phân bổ lợi thê thương mại phát sinh từ giao dịch mua lại 99,2% cổ phần công ty con TVAM trong năm như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Giá gốc</b>		
Số đầu năm	11.904.000.000	11.904.000.000
Số cuối năm	11.904.000.000	11.904.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	9.066.608.220	6.685.808.220
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 36)	2.380.800.000	2.380.800.000
Số cuối năm	11.447.408.220	9.066.608.220
<b>Giá trị ghi sổ</b>		
Số đầu năm	2.837.391.780	5.218.191.780
Số cuối năm	456.591.780	2.837.391.780



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	259.739.549	116.057.190
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	63.128.425	64.223.803
	<b><u>322.867.974</u></b>	<b><u>180.280.993</u></b>

## 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả mua các tài sản tài chính	1.182.729.500	1.723.000.000
Phải trả khác	120.148.717	31.160.116
	<b><u>1.302.878.217</u></b>	<b><u>1.754.160.116</u></b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 19. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Số tăng trong năm VND	Số giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.557.025.000.000</b>	<b>11.568.125.929.364</b>	<b>(11.168.702.929.364)</b>	<b>1.956.448.000.000</b>
- Tổ chức tài chính	1.549.025.000.000	11.340.125.929.364	(11.066.702.929.364)	1.822.448.000.000
- Tổ chức kinh tế	8.000.000.000	173.000.000.000	(102.000.000.000)	79.000.000.000
- Khác	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000
Trong đó:				
- <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	165.000.000.000	(94.000.000.000)	71.000.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(165.000.000.000)</b>	<b>-</b>
- Tổ chức kinh tế	165.000.000.000	-	(165.000.000.000)	-
	<b>1.722.025.000.000</b>	<b>11.568.125.929.364</b>	<b>(11.333.702.929.364)</b>	<b>1.956.448.000.000</b>

Lãi suất vay hàng năm của các khoản vay trên là 5,70% - 8,50% và các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (Thuyết minh 6.3).

### 20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 38.2)	35.447.010.374	23.713.303.610	(43.959.919.080)	15.200.394.904
2	Thuế giá trị gia tăng	-	2.670.293.073	(2.393.634.891)	276.658.182
3	Thuế thu nhập cá nhân	4.917.061.340	10.113.090.622	(11.061.509.445)	3.968.642.517
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	4.649.448.432	5.116.153.092	(6.574.623.928)	3.190.977.596
	- Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	170.886.638	2.562.290.546	(2.129.839.020)	603.338.164
	- Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	96.726.270	208.942.959	(131.342.472)	174.326.757
	- Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	-	2.225.704.025	(2.225.704.025)	-
4	Thuế nhà thầu nước ngoài và thuế môn bài	-	170.893.787	(170.893.787)	-
		<b>40.364.071.714</b>	<b>36.667.581.092</b>	<b>(57.585.957.203)</b>	<b>19.445.695.603</b>

Trong đó:

- Số thuế phải thu  
- Số thuế phải trả

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	11.857.326.634	13.348.739.124
Phải trả chi phí dịch vụ chuyên môn	250.000.000	420.000.000
	<b>12.107.326.634</b>	<b>13.768.739.124</b>

### 22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông (Thuyết minh 26.16)	1.661.928.385	1.537.158.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.751.966	15.359.301
	<b>1.677.680.351</b>	<b>1.552.517.536</b>

### 23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	17.632.152.966	5.608.873.590
Trích trong năm:	10.765.889.515	12.023.279.376
- Từ lợi nhuận của cổ đông Công ty (Thuyết minh 24.2)	10.764.968.101	12.010.412.250
- Từ lợi nhuận của cổ đông thiểu số (Thuyết minh 25)	921.414	12.867.126
Sử dụng trong năm	(27.543.943.999)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>854.098.482</b>	<b>17.632.152.966</b>

### 24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

#### 24.1 Vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Số cuối năm Đơn vị	Số đầu năm Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành	80.124.700	63.502.375
Cổ phiếu thường	80.124.700	63.502.375
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ	80.124.700	63.502.375
Cổ phiếu thường	80.124.700	63.502.375
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	1.550.000
Cổ phiếu thường	-	1.550.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	80.124.700	61.952.375
Cổ phiếu thường	80.124.700	61.952.375



## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 24.1 *Vốn góp của chủ sở hữu* (tiếp theo)

Biến động số lượng cổ phần đang lưu hành trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Đơn vị</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Đơn vị</i>
Số đầu năm	61.952.375	53.800.291
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	12.700.138	5.068.462
Cổ phiếu thưởng trong năm	2.222.187	562.872
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	1.550.000	2.520.750
Phát hành cổ phiếu ESOP trong năm ( <i>thuyết minh 24.3</i> )	1.700.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.124.700</b>	<b>61.952.375</b>

Biến động số lượng cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>Đơn vị</i>	<i>Năm trước</i> <i>Đơn vị</i>
Số đầu năm	1.550.000	4.070.750
Bán cổ phiếu quỹ	(1.550.000)	(2.520.750)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.550.000</b>

#### 24.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối	94.501.733.516	176.069.585.132
Lợi nhuận chưa thực hiện	24.902.241.847	12.653.513.972
	<b>119.403.975.363</b>	<b>188.723.099.104</b>

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	176.069.585.132	103.496.090.632
Lợi nhuận chưa thực hiện đầu năm	12.653.513.972	56.494.597.309
<b>Tăng trong năm</b>	<b>110.235.132.302</b>	<b>140.599.593.875</b>
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện trong năm	12.248.727.875	(43.841.083.337)
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	97.986.404.427	184.440.677.212
<b>Giảm trong năm</b>	<b>(179.554.256.043)</b>	<b>(111.866.182.712)</b>
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(20.801.688.543)	(27.388.938.112)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)</i>	(10.764.968.101)	(12.010.412.250)
- <i>Quỹ dự trữ điều lệ (Thuyết minh 24.3)</i>	(5.018.360.221)	(7.689.262.931)
- <i>Quỹ dự phòng tài chính (Thuyết minh 24.3)</i>	(5.018.360.221)	(7.689.262.931)
Số lãi phân phối cho cổ đông ( <i>Thuyết minh 24.3</i> )	(158.752.567.500)	(84.477.244.600)
- <i>Chia cổ tức bằng tiền mặt</i>	(31.751.187.500)	(33.792.624.600)
- <i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng</i>	(127.001.380.000)	(50.684.620.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông cuối năm</b>	<b>119.403.975.363</b>	<b>188.723.099.104</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 24.3 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Lợi ích của cổ đông thiểu số VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	635.023.750.000	14.120.765.418 (12.843.801.118)	-	9.927.315.120	38.492.745.120	176.069.585.132	12.653.513.972	305.653.558 (1.111.994)	873.749.527.202
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	97.986.404.427	12.248.727.875	-	110.234.020.308
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ năm 2019	-	-	-	5.018.360.221	-	(5.018.360.221)	-	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2019	-	-	-	-	5.018.360.221	(5.018.360.221)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2019	-	-	-	-	-	(10.764.968.101)	-	(921.414)	(10.765.889.515)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	21.811.500.000
Trả cổ tức bằng tiền và cổ phiếu	127.001.380.000	8.967.698.882	12.843.801.118	-	-	(158.752.567.500)	-	-	(31.751.187.500)
Trả cổ phiếu thường từ thặng dư vốn cổ phần và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	22.221.870.000	(13.968.033.000)	-	(8.253.837.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP	17.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	17.000.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>801.247.000.000</b>	<b>9.120.431.300</b>	<b>-</b>	<b>6.691.838.341</b>	<b>43.511.105.341</b>	<b>94.501.733.516</b>	<b>24.902.241.847</b>	<b>303.620.150</b>	<b>980.277.970.495</b>

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0204/2019/NQ-HĐQT\_02 ngày 2 tháng 4 năm 2019, Công ty trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Ngoài ra, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 3,5% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 2,2% và từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với tỷ lệ 1,3%.

Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-HĐQT cũng thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số lượng dự kiến phát hành là 1.800.000 cổ phiếu. Ngày 30 tháng 8 năm 2019, công ty đã phát hành thành công đợt 1 với số lượng 1.700.000 cổ phiếu ESOP. Công ty dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu ESOP đợt 2 trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo kết quả phát hành đợt 1.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 25. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	238.069.658	337.772.902
Lợi nhuận chưa thực hiện đầu năm	67.584.000	54.720.000
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	36.904.006	13.163.782
Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm	(38.016.000)	12.864.000
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông không kiểm soát	304.541.564	418.520.684
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi ( <i>Thuyết minh 23</i> )	(921.414)	(12.867.126)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	(100.000.000)
<b>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>	<b>303.620.150</b>	<b>305.653.558</b>

### 26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### 26.1 *Nợ khó đòi đã xử lý*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.470.476.001	14.470.476.001
Phái thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phái thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
	<b>38.032.022.388</b>	<b>38.032.022.388</b>

#### 26.2 *Ngoại tệ các loại*

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
USD	<b>2.503.439.765</b>	<b>3.067.766.828</b>

#### 26.3 *Cổ phiếu đang lưu hành*

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty ( <i>Thuyết minh 24.1</i> )	<b>80.124.700</b>	<b>61.952.375</b>

#### 26.4 *Cổ phiếu quỹ*

	<i>Số cuối năm Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm Cổ phiếu</i>
Cổ phiếu quỹ ( <i>Thuyết minh 24.1</i> )	-	<b>1.550.000</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 26.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	199.735.220.000	201.770.440.000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	56.000.000	-
	<b>199.791.220.000</b>	<b>201.770.440.000</b>

### 26.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<b>1.470.000</b>	<b>2.630.000</b>

### 26.7 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<b>563.900.000</b>	<b>6.133.330.000</b>

### 26.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	143.754.740.000	43.684.040.000
Trái phiếu	50.000.010.000	-
	<b>193.754.750.000</b>	<b>43.684.040.000</b>

### 26.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	-	<b>1.230.000.000</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 26. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 26.10 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.033.658.380.000	966.764.400.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	79.200.000.000	79.200.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.499.400.000	2.111.000.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.575.990.000	1.673.000.000
	<b>1.119.933.770.000</b>	<b>1.049.748.400.000</b>

### 26.11 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	<b>8.488.190.000</b>	<b>9.020.670.000</b>

### 26.12 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<b>3.224.100.000</b>	<b>2.719.120.000</b>

### 26.13 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	<b>661.310.000</b>	<b>29.224.690.000</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

### 26.14 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	63.158.058.860	137.363.335.613
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	62.415.076.582	137.139.127.626
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	742.982.278	224.207.987
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.145.768	10.577.893
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	8.911.449	10.168.269
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	234.319	409.624
	<b>63.167.204.628</b>	<b>137.373.913.506</b>

### 26.15 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	59.171.301.428	132.290.151.161
- Của Nhà đầu tư trong nước	58.428.084.831	132.065.533.550
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	743.216.597	224.617.611
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	3.995.903.200	5.080.708.300
- Của Nhà đầu tư trong nước	3.995.903.200	5.080.708.300
Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	3.054.045
- Của Nhà đầu tư trong nước	-	3.054.045
	<b>63.167.204.628</b>	<b>137.373.913.506</b>

### 26.16 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn (Thuyết minh 22)	<b>1.661.928.385</b>	<b>1.537.158.235</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

### 27.1 Lãi(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
<b>1</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					<b>16.962.194.262</b>
	TPB	863.920	21.967	18.978.157.500	5.394.654.818	13.583.502.682
	TCM	920.000	31.700	29.164.100.500	21.913.625.008	7.250.475.492
	KBC	2.820.000	15.457	43.588.947.500	39.486.323.519	4.102.623.981
	REE	665.000	37.424	24.887.058.500	22.023.473.917	2.863.584.583
	DHC	216.000	39.334	8.496.179.000	5.680.309.273	2.815.869.727
	PNJ	86.190	89.612	7.723.651.000	4.937.519.345	2.786.131.655
	FPT	314.330	46.922	14.749.083.500	12.760.115.615	1.968.967.885
	MBB	846.000	22.663	19.173.132.500	17.468.262.408	1.704.850.092
	CEE	107.340	15.441	1.657.470.000	2.712.696.348	(1.055.226.348)
	SCR	749.000	7.197	5.390.796.000	7.988.750.000	(2.597.954.000)
	DCM	600.000	9.040	5.424.062.900	8.075.137.000	(2.651.074.100)
	CTD	60.000	104.010	6.240.620.000	9.434.647.620	(3.194.027.620)
	HUT	1.070.000	2.685	2.872.730.000	11.777.248.276	(8.904.518.276)
	Khác					(1.711.011.491)
<b>2</b>	<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>					<b>(19.917.790.655)</b>
	BSR	2.640.000	11.040	29.144.520.000	48.462.398.436	(19.317.878.436)
	ACV	68.000	72.763	4.947.870.000	5.540.940.000	(593.070.000)
	Khác					(6.842.219)
<b>3</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>					<b>2.903.540.000</b>
	TD1636502	3.800.000	130.562	496.136.200.000	495.441.000.000	695.200.000
	TD1621470	1.700.000	108.560	184.551.300.000	184.070.200.000	481.100.000
	TD1727398	1.000.000	110.156	110.156.100.000	109.848.660.000	307.440.000
	BVDB17319	300.000	112.534	33.760.200.000	33.495.900.000	264.300.000
	TD1429094	1.000.000	132.134	132.134.000.000	131.943.000.000	191.000.000
	TD1929175	1.000.000	103.955	103.955.000.000	103.764.000.000	191.000.000
	Khác	6.000.000	113.423	680.537.500.000	679.764.000.000	773.500.000

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.1 Lãi(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

S/TT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
4	Trái phiếu chưa niêm yết và chứng chí tiền gửi					<b>21.608.039.567</b>
	BIDVBOND14.2	1.495	1.067.528.462	1.595.955.050.000	1.594.056.459.383	1.898.590.617
	BIDVBOND14.24	400	1.069.812.500	427.925.000.000	427.224.000.000	701.000.000
	Khác			4.839.913.315.950	4.820.904.867.000	19.008.448.950
5	Tài sản tài chính khác					<b>45.026.285.000</b>
						<b>66.582.268.174</b>
	Trong đó:					107.138.281.357
	- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL					(40.556.013.183)
	- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị đánh giá lại VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm VND
I	FVTPL (Thuyết minh 6.5)	493.316.704.999	524.481.467.309	31.164.762.310	15.901.372.465	15.263.389.845
1	Cổ phiếu niêm yết	323.047.833.818	352.522.304.009	29.474.470.191	12.969.288.488	16.505.181.703
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	27.062.726.181	19.204.113.300	(7.858.612.881)	(17.256.821.023)	9.398.208.142
3	Chứng chỉ quỹ	92.451.095.000	102.000.000.000	9.548.905.000	20.188.905.000	(10.640.000.000)
4	Trái phiếu chưa niêm yết	50.755.050.000	50.755.050.000	-	-	-
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					101.690.300.781
	- Chênh lệch giảm					(86.426.910.936)
II	HTM (Thuyết minh 6.6)	2.170.484.153.005	2.170.484.153.005	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu (Thuyết minh 6.6)	164.228.754.587	163.648.595.869	(580.158.718)	(580.158.718)	-
IV	AFS (Thuyết minh 6.6)	38.847.363.882	36.492.713.882	(2.354.650.000)	(2.354.650.000)	-
		2.866.876.976.473	2.895.106.930.065	28.229.953.592	12.966.563.747	15.263.389.845



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 27. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 27.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	17.941.364.670	6.299.225.800
Từ tài sản tài chính HTM	132.775.025.491	116.293.394.765
Từ các khoản cho vay và phải thu	24.138.492.582	21.153.347.569
	<b>174.854.882.743</b>	<b>143.745.968.134</b>

## 28. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động cho vay kỳ quỹ	<b>16.383.493.831</b>	<b>13.298.083.741</b>

## 29. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 1	1.800.689.749	2.033.578.117
Phí quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	1.601.334.182	1.622.825.372
Phí quản lý danh mục khác	71.581.818	-
Phí phát hành chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	-	1.700.000.000
	<b>3.473.605.749</b>	<b>5.356.403.489</b>

## 30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.137.908.813	1.412.109.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	857.898.838	813.903.557
Phí giao dịch bán tài sản tài chính tự doanh	491.551.709	601.938.288
Chi phí tiền lương	343.543.803	4.239.000.000
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	262.306.909	216.229.653
Chi phí khác	545.532.256	689.512.294
	<b>3.638.742.328</b>	<b>7.871.693.342</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	6.252.980.423	4.661.800.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.563.339.327	3.632.948.326
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.905.102.702	1.847.999.510
Chi phí khấu hao tài sản cố định	974.968.985	912.861.851
Chi phí khác	1.646.021.824	798.072.944
	<b>14.342.413.261</b>	<b>11.853.683.395</b>

## 32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	3.937.025.547	7.086.540.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	696.500.286	1.043.398.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.444.003	329.403.152
Vật tư văn phòng	184.996.065	180.775.724
Chi phí khác	1.153.973.970	2.587.941.720
	<b>6.342.939.871</b>	<b>11.228.060.117</b>

## 33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí lương	3.048.743.759	3.052.022.852
Chi phí thuê văn phòng	593.333.729	508.753.589
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312.639.694	343.842.497
Vật tư văn phòng	305.863.939	261.826.076
Phí môi giới cho dịch vụ phát hành chứng chỉ Quỹ	-	681.586.200
Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	368.266.250	309.138.279
Chi phí khác	-	-
	<b>4.626.847.371</b>	<b>5.155.169.493</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.343.053.879	1.524.810.436
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.359.609	69.265.418
	<b>1.353.413.488</b>	<b>1.594.075.854</b>

## 35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	95.133.873.882	78.332.671.547
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	13.787.081	518.364
	<b>95.147.660.963</b>	<b>78.333.189.911</b>

## 36. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	9.761.191.633	13.182.328.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.177.244.805	2.908.123.978
Phân bổ chi phí lợi thế thương mại (Thuyết minh 18)	2.380.800.000	2.380.800.000
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	1.168.467.300	1.206.059.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	520.593.485	461.712.715
Chi phí vận phòng phẩm	334.277.936	274.262.037
Chi phí thuế, phí và lệ phí	47.625.603	52.322.448
Chi phí khác	4.392.527.813	3.714.710.739
	<b>21.782.728.575</b>	<b>24.180.319.968</b>

## 37. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	1.395.005	-
Chi phí khác	(4.976.469)	(55)
	<b>(3.581.464)</b>	<b>(55)</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2018: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 38.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.713.303.610	45.437.986.332
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	3.052.677.970	(9.247.054.834)
	<b>26.765.981.580</b>	<b>36.190.931.498</b>

### 38.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	137.000.001.888	176.818.553.155
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	27.400.000.378	35.363.310.631
Ảnh hưởng của hợp nhất báo cáo tài chính	1.664.160.000	2.212.160.000
Các khoản điều chỉnh tăng	318.094.137	11.608.665.976
- Chênh lệch giám rộng đánh giá lại TSTC FVTPL	-	11.359.054.834
- Chi phí không được khấu trừ	315.597.519	249.606.228
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.496.618	4.914
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.668.950.905)	(3.746.150.275)
- Thu nhập từ cổ tức	(1.428.272.934)	(3.739.845.160)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	(6.305.115)
- Chênh lệch tăng rộng đánh giá lại TSTC FVTPL	(4.240.677.971)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<b>23.713.303.610</b>	<b>45.437.986.332</b>

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 38.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	470.930.000	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460	-	-
	<b>2.136.564.460</b>	<b>2.136.564.460</b>	-	-
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	6.232.952.463	3.180.274.493	(3.052.677.970)	9.247.054.834
<b>(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại phản ánh vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất</b>			<b>(3.052.677.970)</b>	<b>9.247.054.834</b>

## 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 39.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm là 5.718.220.182 đồng (năm trước: 6.952.572.363 đồng).

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 39.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Mỗi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tư doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	33.045.389.926	197.458.367.241	29.444.037.909	158.320.307.633	8.593.316.662	426.661.419.371
2. Các chi phí trực tiếp	(30.276.031.602)	(129.903.204.642)	(5.972.496.868)	(95.147.660.963)	(4.572.402.553)	(265.871.795.628)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(974.966.365)	(857.898.838)	(370.444.003)	(520.593.484)	-	(2.723.905.310)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>1.794.389.339</b>	<b>96.697.263.761</b>	<b>23.101.098.038</b>	<b>62.652.053.186</b>	<b>4.020.914.109</b>	<b>158.265.718.433</b>
4. Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	(21.265.716.545)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>						<b>137.000.001.888</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
1. Tài sản bộ phận	163.831.976.018	538.812.078.608	5.848.394.000	82.474.592.47	8.323.946.610	354.420.321
- Tiền và các khoản tương đương tiền	-	10.159.902.758	-	5.345.254.042	-	24.829.105.610
- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL	-	473.726.417.309	-	50.755.050.000	-	524.481.467.309
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS-thuần	-	36.492.713.882	-	-	-	36.492.713.882
- Các khoản cho vay - thuần	163.648.696.869	18.021.024.659	-	18.844.158.365	-	163.648.696.869
- Dự thu cổ tức/lãi tiền gửi	-	212.020.000	-	-	558.904	36.865.741.928
- Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	-	-	-	212.020.000
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	183.380.149	-	5.848.394.000	-	262.871.574	6.294.645.723
- Các khoản phải thu khác	-	-	-	7.530.130.000	-	7.530.130.000
2. Tài sản phân bổ	1.385.086.585	55.265.841.743	547.300.288	2.117.147.498.654	-	2.174.345.727.270
- Tiền gửi kỳ hạn	-	54.000.000.000	-	2.116.484.153.005	-	2.170.484.153.005
- Tài sản cố định	1.385.086.585	1.265.841.743	547.300.288	663.346.649	-	3.861.574.265
3. Tài sản không phân bổ	165.217.062.603	593.877.920.351	6.395.694.288	2.199.622.091.061	9.587.379.288	12.039.637.446
<b>Tổng tài sản</b>	<b>164.551.622.591</b>	<b>1.302.878.217</b>	-	<b>1.792.219.245.413</b>	-	<b>2.986.739.785.037</b>
1. Nợ phải trả bộ phận	164.226.754.587	-	-	-	-	1.956.448.000.000
- Vay	322.867.974	-	-	-	-	322.867.974
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.302.878.217	-	-	-	1.302.878.217
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	-	-	-	48.388.068.351
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>164.551.622.561</b>	<b>1.302.878.217</b>	-	<b>1.792.219.245.413</b>	-	<b>2.006.461.814.542</b>



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 39.3 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	3.782.081.100	3.786.995.100
Từ 1 - 5 năm	1.388.801.050	4.377.907.450
	<b>5.170.882.150</b>	<b>8.164.902.550</b>

### 39.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	110.235.132.302	140.599.593.875
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(10.764.968.101)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>110.235.132.302</b>	<b>129.834.625.774</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	78.692.935	78.211.183
Ảnh hưởng pha loãng do phát hành cổ phiếu ESOP đợt 2 (thuyết minh 24.3)	1.000.000	1.000.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng</b>	<b>79.692.935</b>	<b>79.211.183</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.401	1.660
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.383	1.639

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 39.4 *Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)*

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHCD ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

Ngoài ra, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng và chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu ESOP trong năm 2018 và năm 2019 với giả thuyết sự kiện này xảy ra ngay tại thời điểm đầu năm trước.

### 39.5 *Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản nợ vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Nhóm Công ty chịu lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Nhóm Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Nhóm Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty.



# Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

## 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

### 39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng*

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Nhóm Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Nhóm Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6.6*, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 do có đầy đủ tài sản đảm bảo.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.170.484.153.005	-	-	-	-	2.170.484.153.005
Các khoản cho vay - gộp	163.648.595.869	-	-	-	580.158.718	164.228.754.587
Tài sản tài chính khác	49.826.358.520	-	-	-	-	49.826.358.520
Phải thu bán tài sản tài chính	212.020.000	-	-	-	-	212.020.000
Các khoản phải thu và dự thu có tức, tiền lãi các khoản đầu tư	36.865.741.928	-	-	-	-	36.865.741.928
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6.294.645.723	-	-	-	-	6.294.645.723
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1.135.924.539	-	-	-	-	1.135.924.539
Phải thu khác	5.318.026.330	-	-	-	-	5.318.026.330
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.363.959.107.394</b>	-	-	-	<b>580.158.718</b>	<b>2.384.539.266.112</b>

##### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lãi suất.

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	473.726.417.309	-	-	50.755.050.000	524.481.467.309
Cổ phiếu niêm yết	-	352.522.304.009	-	-	-	352.522.304.009
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	19.204.113.300	-	-	-	19.204.113.300
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	50.755.050.000	50.755.050.000
Chứng chỉ quỹ	-	102.000.000.000	-	-	-	102.000.000.000
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	38.847.363.882	-	-	-	38.847.363.882
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	38.847.363.882	-	-	-	38.847.363.882
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.069.700.000.000	-	100.784.153.005	2.170.484.153.005
Các khoản cho vay - gộp	580.158.718	-	163.648.595.869	-	-	164.228.754.587
Tài sản tài chính khác	-	-	43.372.407.651	1.135.924.539	5.318.026.330	49.826.358.520
Phải thu bán tài sản tài chính	-	-	212.020.000	-	-	212.020.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	36.865.741.928	-	-	36.865.741.928
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	6.294.645.723	-	-	6.294.645.723
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	1.135.924.539	-	1.135.924.539
Phải thu khác	-	-	-	-	5.318.026.330	5.318.026.330
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	-	16.329.105.610	8.500.000.000	-	-	24.829.105.610
	<b>580.158.718</b>	<b>528.902.836.801</b>	<b>2.285.221.003.520</b>	<b>1.135.924.539</b>	<b>156.857.229.335</b>	<b>2.972.697.202.913</b>
<b>NỢ TÀI CHÍNH</b>						
Vay	-	-	1.956.448.000.000	-	-	1.956.448.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	322.867.974	-	-	-	322.867.974
Phải trả, phải nộp khác	-	1.797.829.068	13.290.056.134	-	-	15.087.885.202
	-	2.120.697.042	1.969.738.056.134	-	-	1.971.858.753.176
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>580.158.718</b>	<b>526.782.189.759</b>	<b>315.482.947.386</b>	<b>1.135.924.539</b>	<b>156.857.229.335</b>	<b>1.000.838.449.737</b>

## Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK/HN

### 39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 39.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

##### Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### 40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Bà Hà Thanh Hòa  
Người lập

Ông Lê Quang Tiên  
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

